

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hoàn thiện chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các chuyên ngành trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1699/QĐ-ĐHTM ngày 26/11/2018 của Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định về xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-ĐHTM ngày 10/9/2021 của Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Thông báo số 1041/TB-ĐHTM ngày 24/9/2021 của Trường Đại học Thương mại về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quy định về xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 1699/QĐ-ĐHTM ngày 26/11/2018 của Trường Đại học Thương mại;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

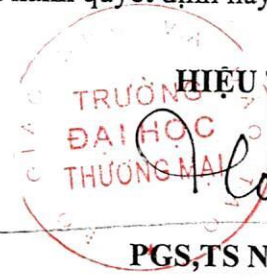
Điều 1. Hoàn thiện chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các chuyên ngành trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Thương mại (có bản mô tả chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2022. Các quyết định trước đây trái với Quyết định này bị bãi bỏ.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Quản lý Khoa học, Quản lý Sau đại học, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Pháp chế - Thanh tra, Kế hoạch - Tài chính và Trưởng các Khoa quản lý chương trình đào tạo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện)
- Lưu: VT, QLKH, QLSĐH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng

1000
1000

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 116/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 01 năm 2022
của Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Quản trị nhân lực (Doctor of Philosophy in Human Resource Management)
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Ngành đào tạo:	Quản trị nhân lực
Mã ngành:	9340404
Chuyên ngành đào tạo:	Quản trị nhân lực

1. Mục tiêu của chương trình

- *Mục tiêu chung:* Đào tạo trình độ tiến sĩ tiên tiến, chuyên sâu về Quản trị nhân lực là đào tạo nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp có kiến thức sâu và trình độ chuyên môn cao về quản trị nhân lực, có phương pháp luận nghiên cứu khoa học vững chắc; đủ năng lực thực hiện nghiên cứu khoa học độc lập, sáng tạo; có khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới trong quá trình vận hành hệ thống quản trị nhân lực tổ chức, quản lý lao động các cấp dựa trên các luận cứ khoa học về lĩnh vực quản trị nhân lực trên phương diện là chuyên gia

- *Mục tiêu cụ thể:*

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo người học được công nhận học vị tiến sĩ quản trị nhân lực có kiến thức tổng quan, hiện đại, cập nhật mang tính lý luận cao, phương pháp nghiên cứu chuyên sâu, thái độ làm việc chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản trị nhân lực, có năng lực chuyên môn cao và kỹ năng nghiên cứu độc lập; có khả năng phản biện, tự tiến hành nghiên cứu để trở thành chuyên gia, nhà nghiên cứu, giảng viên, nhà tư vấn, giám đốc nhân sự, quản lý lao động... trong lĩnh vực quản trị nhân lực.

2. Yêu cầu về kiến thức

Nghiên cứu sinh chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực có khả năng sáng tạo:

(PLO1): Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu của ngành Quản trị nhân lực, từ đó có thể phát triển các kiến thức mới trong lĩnh vực này.

(PLO2): Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực.

(PLO3): Kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị nhân lực.

(PLO4): Kiến thức về quản trị tổ chức.

3. Yêu cầu về kỹ năng

Nghiên cứu sinh chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực có khả năng sáng tạo trong ứng dụng:

(PLO5): Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị nhân lực.

(PLO6): Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn về quản trị nhân lực.

(PLO7): Kỹ năng suy luận, phân tích, giao tiếp, ứng xử trong các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân lực một cách khoa học; đồng thời có thể đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.

(PLO8): Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân lực.

(PLO9): Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu về quản trị nhân lực; và phổ biến các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực này.

4. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Nghiên cứu sinh chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực có khả năng:

(PLO10): Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực quản trị nhân lực.

(PLO11): Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.

(PLO12): Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.

(PLO13): Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia đối với những vấn đề liên quan trong lĩnh vực quản trị nhân lực.

(PLO14): Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

5.1. Các vị trí công tác có khả năng làm việc phù hợp và tốt

- Nhà quản trị nhân lực, quản lý lao động và nhà quản trị, quản lý ở các cấp;
- Chuyên gia về quản trị nhân lực, quản lý lao động;
- Cán bộ giảng dạy về lĩnh vực lao động, quản trị nhân lực ở các cơ sở đào tạo;
- Nghiên cứu viên về lao động, quản trị nhân lực ở các Viện nghiên cứu.
- Nhà tư vấn độc lập hoặc nhà tư vấn thuộc các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn về lao động, quản trị nhân lực.

5.2. Các loại hình tổ chức, doanh nghiệp có cơ hội làm việc phù hợp

- Doanh nghiệp các ngành, lĩnh vực kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, loại hình sở hữu nhà nước, tư nhân, tập thể, vốn đầu tư nước ngoài, công ty đa quốc gia...;

- Cơ quan Chính phủ, Bộ, Ngành trung ương; các cơ quan quản lý địa phương; tổ chức lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể; tổ chức phi chính phủ... tại các bộ phận có chức năng, nhiệm vụ quản lý lao động, quản trị nhân lực và liên quan.

- Các đại học, trường đại học, học viện và cơ sở giáo dục khác.

- Các Viện nghiên cứu trong lĩnh vực lao động, quản trị nhân lực.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai trong lĩnh vực lao động, quản trị nhân lực.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Trên nền tảng các kiến thức, kỹ năng và các năng lực khác đã được trang bị, người học sau khi tốt nghiệp có khả năng: Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các kiến thức, tri thức và kỹ năng mới, cập nhật nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân lực ở đơn vị công tác cụ thể.

7. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo

7.1. Trong nước

Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia”;

Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực trình độ tiến sĩ của trường Đại học Kinh tế Quốc dân.



Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực trình độ tiến sĩ của trường Đại học Công Đoàn.

7.2. Ngoài nước

Program of Doctor of Human Resource Management in CAPELLA University (USA).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS Nguyễn Hoàng


PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 11/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 1 năm 2022
của Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Quản trị nhân lực (Doctor of Philosophy in Human Resource Management)
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Ngành đào tạo:	Quản trị nhân lực
Mã ngành:	9340404
Chuyên ngành đào tạo:	Quản trị nhân lực

1. Mục tiêu của chương trình

- *Mục tiêu chung:* Đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản trị nhân lực là đào tạo nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp có kiến thức sâu và trình độ chuyên môn cao về quản trị nhân lực, có phương pháp luận nghiên cứu khoa học vững chắc; đủ năng lực thực hiện nghiên cứu khoa học độc lập, sáng tạo; có khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới trong quá trình vận hành hệ thống quản trị nhân lực tổ chức, quản lý lao động các cấp dựa trên các luận cứ khoa học về lĩnh vực quản trị nhân lực trên phương diện là chuyên gia.

- *Mục tiêu cụ thể:*

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo người học được công nhận học vị tiến sĩ quản trị nhân lực có kiến thức tổng quan, hiện đại, cập nhật mang tính lý luận cao, phương pháp nghiên cứu chuyên sâu, thái độ làm việc chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản trị nhân lực, có năng lực chuyên môn cao và kỹ năng nghiên cứu độc lập; có khả năng phản biện, tự tiến hành nghiên cứu để trở thành chuyên gia, nhà nghiên cứu, giảng viên, nhà tư vấn, giám đốc nhân sự, quản lý lao động... trong lĩnh vực quản trị nhân lực.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Kiến thức

Nghiên cứu sinh chương trình Tiến sĩ ngành Quản trị nhân lực có khả năng sáng tạo:

(PLO1): Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu của ngành Quản trị nhân lực, từ đó có thể phát triển các kiến thức mới trong lĩnh vực này.

(PLO2): Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý

lao động.

(PLO3): Kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động.

(PLO4): Kiến thức về quản trị tổ chức.

2.2. Kỹ năng

Nghiên cứu sinh chương trình Tiến sĩ ngành Quản trị nhân lực có khả năng sáng tạo trong ứng dụng:

(PLO5): Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động.

(PLO6): Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn về quản trị nhân lực, quản lý lao động.

(PLO7): Kỹ năng suy luận, phân tích, giao tiếp, ứng xử trong các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động một cách khoa học; đồng thời có thể đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.

(PLO8): Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động.

(PLO9): Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu về quản trị nhân lực, quản lý lao động; và phổ biến các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực này.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Nghiên cứu sinh chương trình Tiến sĩ ngành Quản trị nhân lực có khả năng:

(PLO10): Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động.

(PLO11): Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.

(PLO12): Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.

(PLO13): Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia đối với những vấn đề liên quan trong lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động.

(PLO14): Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

3. Điều kiện dự tuyển

3.1. Điều kiện về văn bằng

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo tiến sĩ. Cụ thể:

a) Người dự tuyển có bằng thạc sĩ:

- Ngành đúng: Quản trị nhân lực (8340404);
- Ngành gần: Các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Quản trị - quản lý (83404)
- Các ngành còn lại thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý không phải là ngành đúng và ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển.

b) Người dự tuyển có bằng đại học hạng giỏi trở lên thuộc ngành đúng với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: Quản trị nhân lực (7340404)

Danh mục các ngành thạc sĩ và đại học được coi là phù hợp với ngành đăng kí dự tuyển đào tạo tiến sĩ sẽ được cập nhật hàng năm trong thông báo tuyển sinh của Trường.

c) Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có văn bản công nhận văn bằng do Cục Quản lý Chất lượng Giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp.

3.2. Điều kiện về nghiên cứu khoa học

Là tác giả của 01 bài báo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình, hoặc kỉ yếu hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế có mã số ISBN, trong thời hạn 3 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng kí dự tuyển.

3.3. Có dự thảo đề cương nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ

Dự thảo đề cương nghiên cứu cần trình bày rõ tên đề tài hoặc định hướng nghiên cứu; ngành và mã số; lý do lựa chọn đề tài/hướng nghiên cứu; tổng quan công trình khoa học đã được công bố về đề tài/hướng nghiên cứu; mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu dự kiến thực hiện; dự kiến đóng góp của đề tài nghiên cứu; dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu của NCS (nếu trúng tuyển); và đề xuất người hướng dẫn khoa học (nếu có).

3.4. Có ít nhất một thư giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh: Nhà khoa học giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh phải có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

3.5. Điều kiện về ngoại ngữ

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Quy chế đào tạo trình độ

tiên sĩ hiện hành của nhà trường còn hiệu lực (trong thời hạn 24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển, hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) được cấp bởi một tổ chức khảo thí được Bộ Giáo dục Đào tạo công nhận;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b) khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c); thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiên sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, và có trình độ tiếng Anh tối thiểu từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3.6. Được cơ quan công tác cử đi dự tuyển đào tạo trình độ tiên sĩ (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức); hoặc cơ sở đào tạo (nơi sinh viên vừa tốt nghiệp); hoặc được xác nhận nhân thân bởi chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với người làm nghề tự do). Riêng người dự tuyển là công dân nước ngoài có thể được giới thiệu bởi cơ quan quản lý nhân sự, cơ sở đào tạo bậc đại học/thạc sĩ hoặc đại sứ quán.

3.7. Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng ngành dự tuyển do Hiệu trưởng quy định.

4. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển và kết hợp xét tuyển với thi tuyển theo thông báo tuyển sinh tiên sĩ của Trường Đại học Thương mại.

5. Điều kiện tốt nghiệp

(Theo Quy chế đào tạo tiên sĩ hiện hành)

6. Nội dung chương trình đào tạo

6.1. Chương trình đào tạo cho NCS có bằng thạc sĩ:

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiên sĩ:

STT	KIẾN THỨC /HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Các học phần ở trình độ tiên sĩ	12
1.1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	4
1.2	Tên học phần thứ 2: Quản trị nhân lực, quản lý lao động trong bối cảnh mới (chọn 3 trong 5 chuyên đề)	3

	(1) Quản trị nhân lực trong bối cảnh mới	1
	(2) Quan hệ lao động trong bối cảnh mới	1
	(3) Hình thành và phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh mới	1
	(4) Quản lý lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế	1
	(5) Phát triển việc làm bền vững	1
1.3	Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ:	5
	Tên học phần tiến sĩ 3 có quyết định riêng cho từng khóa đào tạo căn cứ vào đề xuất của người hướng dẫn khoa học và ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học đào tạo tiến sĩ cấp bộ môn	
2	Nghiên cứu khoa học	18
2.1	Tiểu luận tổng quan	3
2.2	Các chuyên đề tiến sĩ	9
	Chuyên đề 1	3
	Chuyên đề 2	3
	Chuyên đề 3	3
2.3	Đề tài nghiên cứu khoa học	6
3	Luận án tiến sĩ	60
	Tổng số tín chỉ	90

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gần với ngành đào tạo tiến sĩ: Ngoài CTĐT cho NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ, *phải học bổ sung thêm 3 học phần (6 tín chỉ) trong CTĐT trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo*: Kinh tế nguồn nhân lực (2TC), Quản trị nhân lực (2TC), Quan hệ lao động (2TC).

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ các ngành còn lại thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý không phải là ngành đúng, ngành gần với ngành đào tạo tiến sĩ: Ngoài CTĐT cho NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ, *phải học bổ sung thêm 5 học phần (10 tín chỉ) trong CTĐT trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo*. Các học phần bổ sung được thực hiện theo quy định của Trường.

6.2. Chương trình đào tạo cho NCS có bằng đại học:

STT	KIẾN THỨC /HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo	42
2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	12
2.1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	4
2.2	Tên học phần thứ 2: Quản trị nhân lực, quản lý lao động trong bối cảnh mới (chọn 3 trong 5 chuyên đề)	3
	(1) Quản trị nhân lực trong bối cảnh mới	1

	(2) Quan hệ lao động trong bối cảnh mới	1
	(3) Hình thành và phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh mới	1
	(4) Quản lý lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế	1
	(5) Phát triển việc làm bền vững	1
2.3	Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ:	5
	Tên học phần tiến sĩ 3 có quyết định riêng cho từng khóa đào tạo căn cứ vào đề xuất của người hướng dẫn khoa học và ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học đào tạo tiến sĩ cấp bộ môn	
3	Nghiên cứu khoa học	18
3.1	Tiểu luận tổng quan	3
3.2	Các chuyên đề tiến sĩ	9
	Chuyên đề 1	3
	Chuyên đề 2	3
	Chuyên đề 3	3
3.3	Đề tài nghiên cứu khoa học	6
4	Luận án tiến sĩ	60
	Tổng số tín chỉ	132

6.3. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo (xem Phụ lục)

7. Kế hoạch đào tạo

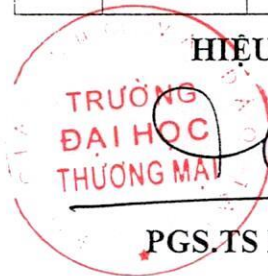
STT	Năm học	Tên học phần, số TC	Giảng viên
1	Năm thứ nhất (30 tín chỉ)	- Hoàn thành các học phần bổ sung (nếu có)	
		- Hoàn thành học phần 1: Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh (4TC)	1. TS Lê Tiến Đạt/Quản trị kinh doanh 2. TS Phạm Thị Minh Uyên/Kinh tế tri thức
		- Hoàn thành học phần 2: Quản trị nhân lực và quản lý lao động trong bối cảnh mới (3TC)	1. PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân/Quản lý kinh tế 2. PGS.TS Mai Thanh Lan/ Thương mại 3. TS. Đinh Thị Hương/Thương mại
		- Hoàn thành học phần 3: Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ: Tên học phần này do người hướng dẫn khoa học của NCS đề xuất phù hợp với đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án TS và được Hội đồng khoa học - đào tạo trình độ tiến sĩ cấp bộ môn thông qua. (5 TC)	1. GS.TS Phạm Vũ Luận/ Kinh tế học 2. PGS.TS Bùi Hữu Đức/ Kinh tế 3. PGS.TS Nguyễn Hoàng/Thương mại 4. PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan/ Kinh tế 5. PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt/ Thương mại 6. PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân/Quản lý kinh tế 7. PGS.TS Mai Thanh Lan/ Thương mại 8. TS. Nguyễn Thị Liên/Thương mại
		- Tiểu luận tổng quan nghiên cứu (3TC)	9. PGS.TS Hà Văn Sự/ Kinh tế và kế hoạch hoá KTQD

		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu (10TC) - Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 1(3TC) - Thực hiện một phần nội dung đề tài NCKH (2TC) 	<ul style="list-style-type: none"> 10. PGS.TS Trần Kiều Trang/Thương mại 11. PGS.TS. Trần Văn Trang/Quản trị kinh doanh 12. TS. Trần Thị Hoàng Hà/Thương mại 13. TS. Phạm Trung Tiến/Quản trị kinh doanh 14. TS Lê Tiến Đạt/Quản trị kinh doanh 15. TS. Vũ Thị Thu Hương/Kinh tế
2	Năm thứ hai (30TC)	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành đề tài NCKH và báo cáo kết quả nghiên cứu tại Hội nghị cấp Trường(4TC) - Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 2 (3TC) - Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 3 (3TC) - Hoàn thành chương Cơ sở lý thuyết (10TC) - Hoàn thành chương Phương pháp nghiên cứu (10TC) 	<ul style="list-style-type: none"> 1. GS.TS Phạm Vũ Luận/ Kinh tế học 2. PGS.TS Bùi Hữu Đức/ Kinh tế 3. PGS.TS Nguyễn Hoàng/Thương mại 4. PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan/ Kinh tế 5. PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt/ Thương mại 6. PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân/Quản lý kinh tế 7. PGS.TS Mai Thanh Lan/ Thương mại 8. TS. Nguyễn Thị Liên/Thương mại 9. PGS.TS Hà Văn Sự/ Kinh tế và kế hoạch hoá KTQD 10. PGS.TS Trần Kiều Trang/Thương mại 11. PGS.TS. Trần Văn Trang/Quản trị kinh doanh 12. TS. Trần Thị Hoàng Hà/Thương mại 13. TS. Phạm Trung Tiến/Quản trị kinh doanh 14. TS Lê Tiến Đạt/Quản trị kinh doanh 15. TS. Vũ Thị Thu Hương/Kinh tế
3	Năm thứ ba (20TC)	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành chương Kết quả nghiên cứu (10TC) - Hoàn thành chương Kết luận và hàm ý chính sách (10TC) 	<ul style="list-style-type: none"> 1. GS.TS Phạm Vũ Luận/ Kinh tế học 2. PGS.TS Bùi Hữu Đức/ Kinh tế 3. PGS.TS Nguyễn Hoàng/Thương mại 4. PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan/ Kinh tế 5. PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt/Thương mại 6. PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân/Quản lý kinh tế 7. PGS.TS Mai Thanh Lan/ Thương mại 8. TS. Nguyễn Thị Liên/Thương mại 9. PGS.TS Hà Văn Sự/ Kinh tế và kế hoạch hoá KTQD 10. PGS.TS Trần Kiều Trang/Thương mại 11. PGS.TS. Trần Văn Trang/Quản trị kinh doanh 12. TS. Trần Thị Hoàng Hà/Thương mại 13. TS. Phạm Trung Tiến/Quản trị kinh doanh

			14. TS Lê Tiến Đạt/Quản trị kinh doanh 15. TS. Vũ Thị Thu Hương/Kinh tế
4	Năm thứ tư (10TC)	Hoàn thành các nội dung còn lại của luận án (Phần Giới thiệu luận án, tóm tắt luận án, trang thông tin những đóng góp mới của luận án (10TC)	1. GS.TS Phạm Vũ Luận/ Kinh tế học 2. PGS.TS Bùi Hữu Đức/ Kinh tế 3. PGS.TS Nguyễn Hoàng/Thương mại 4. PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan/ Kinh tế 5. PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt/Thương mại 6. PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân/Quản lý kinh tế 7. PGS.TS Mai Thanh Lan/ Thương mại 8. TS. Nguyễn Thị Liên/Thương mại 9. PGS.TS Hà Văn Sự/ Kinh tế và kế hoạch hoá KTQD 10. PGS.TS Trần Kiều Trang/Thương mại 11. PGS.TS. Trần Văn Trang/Quản trị kinh doanh 12. TS. Trần Thị Hoàng Hà/Thương mại 13. TS. Phạm Trung Tiến/Quản trị kinh doanh 14. TS Lê Tiến Đạt/Quản trị kinh doanh 15. TS. Vũ Thị Thu Hương/Kinh tế

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Hoàng
PGS.TS Nguyễn Hoàng

Nguyễn Thị Minh Nhân
PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân

PHỤ LỤC

MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh

Học phần phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu cho việc triển khai luận án tiến sĩ, cách thức thiết kế và tổng quan nghiên cứu, hiểu được các vấn đề liên quan tới đạo đức trong nghiên cứu, nắm được cách thức chọn mẫu, thu thập dữ liệu thứ cấp và sơ cấp trong nghiên cứu khoa học, cách thức phân tích dữ liệu định tính và định lượng, nắm được cấu trúc, hình thức và văn phong sử dụng trong báo cáo khoa học, cũng như cách thức thuyết trình kết quả báo cáo nghiên cứu khoa học và một số quy định về trình bày báo cáo khoa học.

Quản trị nhân lực, quản lý lao động trong bối cảnh mới

Học phần trang bị những hiểu biết sâu về các học thuyết nền tảng, các cách tiếp cận và các mô hình quản trị nhân lực của tổ chức, quản lý lao động các cấp; các xu hướng quản trị nhân lực, quản lý lao động trên thế giới trong bối cảnh mới; rèn luyện kỹ năng suy luận, phân tích, tổng hợp tri thức về quản trị nhân lực, quản lý lao động và các yếu tố chủ yếu có ảnh hưởng đến thực tiễn thu hút, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực các cấp, từ đó giúp NCS định hướng việc lựa chọn cơ sở lý thuyết phù hợp cho nghiên cứu luận án. Học phần bao gồm các nội dung như học thuyết nền tảng, các cách tiếp cận và các mô hình quản trị nhân lực của tổ chức, quản lý lao động các cấp; các xu hướng quản trị nhân lực, quản lý lao động trên thế giới trong bối cảnh mới; các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến thực tiễn hình thành và phát triển nguồn nhân lực các cấp.

Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ là sản phẩm nghiên cứu khoa học sáng tạo của NCS, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý thuyết và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn Quản trị nhân lực hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án. Luận án tiến sĩ phải đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư 18/2021/TT_BGDĐT. Luận án tiến sĩ phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.



CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHTM ngày 21. tháng 1 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo	: Tiến sĩ quản lý kinh tế (<i>Doctor of Economic Management</i>)
Trình độ đào tạo	: Tiến sĩ
Ngành đào tạo	: Quản lý kinh tế
Mã ngành	: 9340410
Chuyên ngành đào tạo	: Quản lý kinh tế

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Tiến sĩ Quản lý kinh tế
- Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Doctor of Economic Management
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Ngành đào tạo: Quản lý kinh tế Mã số: 9340410
- Chuyên ngành đào tạo: Quản lý kinh tế

2. Mục tiêu của chương trình:

Đào tạo người có trình độ tiến sĩ chuyên ngành quản lý kinh tế có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; có kiến thức thực tiễn và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu trong lĩnh vực chuyên ngành quản lý kinh tế; có năng lực tư duy, nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới; có khả năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành chuyên môn; tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, có khả năng đưa ra kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

3. Yêu cầu về kiến thức:

Người được đào tạo ở trình độ tiến sĩ chuyên ngành quản lý kinh tế sẽ được trang bị những kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu trong lĩnh vực chuyên môn quản lý kinh tế, bao gồm:

(PLO1) *Kiến thức lý thuyết*: Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về kinh tế và quản lý kinh tế; Làm chủ được những giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành quản lý kinh tế.

(PLO2) *Kiến thức thực tế*: Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; cách tiếp cận hệ thống đối với các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế; Có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh liên quan đến chuyên môn về kinh tế và quản lý kinh tế.



4. Yêu cầu về kỹ năng

(PLO3) *Kỹ năng nhận thức*: Có tư duy, nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn mới; Có năng lực tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, có khả năng đưa ra kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia

(PLO4) *Kỹ năng thực hành nghề nghiệp*: Thành thạo trong xử lý các vấn đề về lý thuyết và thực hành nghề nghiệp; Phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề, đặc biệt là có năng lực áp dụng những vấn đề lý thuyết vào thực tiễn xây dựng và thực thi chiến lược, chính sách; có năng lực hoạch định, chuyên gia cao cấp về phân biện chiến lược, chính sách và quyết định quản lý kinh tế; Ứng dụng được những phương pháp, công cụ hiện đại phục vụ trong nghiên cứu và phát triển hoạt động chuyên môn.

(PLO5) *Kỹ năng giao tiếp, ứng xử*: Có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành chuyên môn; Có khả năng hiểu và diễn đạt bằng ngoại ngữ tiếng Anh các báo cáo, trao đổi về chuyên môn và học thuật ở mức độ thành thạo.

5. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO6) Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn;

(PLO7) Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:

Người được đào tạo và đạt chuẩn đầu ra trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại có thể làm việc tại các bộ phận, cơ quan sau: Giảng dạy và nghiên cứu ở các Viện, Trường đại học; Chuyên gia, nhà quản lý và hoạch định chính sách tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp phù hợp với chuyên ngành; Tự khởi nghiệp các Trung tâm, Viện nghiên cứu chuyên ngành...

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra tốt nghiệp.

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, người được đào tạo sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong chuyên ngành; nghiên cứu sau tiến sĩ (Postdoc).

8. Các chương trình, tài liệu chuẩn đầu ra đã tham khảo

8.1. Trong nước

- 1) Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 1982/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ ngày

18/10/2016 phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Qui định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

3) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về Qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

4) Trường Đại học Thương mại, Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Quản lý kinh tế trình độ đào tạo thạc sĩ, ban hành kèm theo Quyết định số 1559/QĐ-ĐHTM ngày 28/12/2020.

5) Trường Đại học Thương mại, Qui chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại, ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHTM ngày

6) Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành quản lý kinh tế các trường đại học: Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội¹; Trường Đại học Kinh tế quốc dân².

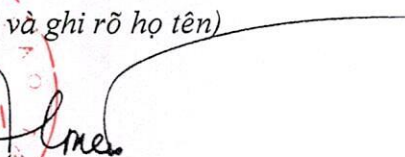
8.2. Nước ngoài

Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành kinh tế và quản lý của các trường đại học nước ngoài: The London school of Economics and political science - LSE ³; Cornell University⁴; Verona University⁵; University of Liège, HEC liege management school ⁶ và và University of Zurich⁷.

Chuẩn đầu ra đã được thông qua Hội đồng khoa ngày tháng năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

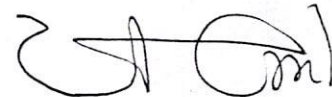
(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS, TS. Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS, TS. Hà Văn Sự

¹ <http://ueb.edu.vn/Sub/64/newsdetail/tiensu/22993/chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-tien-si-nganh-quan-ly-kinh-te.htm>

² https://sdh.neu.edu.vn/quy-dinh-va-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-tien-si-tai-truong-dai-hoc-kinh-te-quoc-dan_227541.html

³ <https://www.lse.ac.uk/study-at-lse/Graduate/degree-programmes-2022/MResPhD-Economics-and-Management>

⁴ <https://dyson.cornell.edu/programs/graduate/phd/>

⁵ <https://www.dse.univr.it/?ent=cs&id=637&lang=en>

⁶ <http://www.hec.ulg.ac.be/en/phd/phd-in-economics-management>

⁷ <https://www.oec.uzh.ch/en/studies/phd/econ.html>



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 116/ĐH-QĐ. ngày 21 tháng 4. năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Tên chương trình đào tạo	Tiến sĩ quản lý kinh tế (<i>Doctor of Philosophy in Economic Management</i>)
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Ngành đào tạo:	Quản lý kinh tế
Mã ngành:	9340410
Chuyên ngành đào tạo:	Quản lý kinh tế

1. Mục tiêu đào tạo:

a) *Mục tiêu chung:* Đào tạo người có trình độ tiến sĩ chuyên ngành quản lý kinh tế có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; có kiến thức thực tiễn và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu trong lĩnh vực chuyên ngành quản lý kinh tế; có năng lực tư duy, nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới; có khả năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành chuyên môn; tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, có khả năng đưa ra kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

b) *Mục tiêu cụ thể:*

- Có kiến thức lý thuyết và thực tiễn chuyên sâu ở vị trí hàng đầu trong lĩnh vực chuyên môn quản lý kinh tế; Có năng lực tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, có khả năng đưa ra kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

- Có năng lực và kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề trong thực tiễn quản lý kinh tế; Có năng lực phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành chuyên môn.

- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

- Có khả năng hiểu và diễn đạt bằng ngoại ngữ tiếng Anh các báo cáo, trao đổi về

chuyên môn và học thuật ở mức độ thành thạo.

- Người được đào tạo và đạt chuẩn đầu ra trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại có thể làm việc tại các bộ phận, cơ quan sau: Giảng dạy và nghiên cứu ở các Viện, Trường đại học; Chuyên gia, nhà quản lý và hoạch định chính sách tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp phù hợp với chuyên ngành; Tự khởi nghiệp các Trung tâm, Viện nghiên cứu chuyên ngành...

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Kiến thức: Người được đào tạo ở trình độ tiến sĩ chuyên ngành quản lý kinh tế sẽ được trang bị những lý thuyết và kiến thức thực tế tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu trong lĩnh vực chuyên môn quản lý kinh tế, bao gồm:

(PLO1) *Kiến thức lý thuyết:* Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về kinh tế và quản lý kinh tế; Làm chủ được những giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành quản lý kinh tế;

(PLO2) *Kiến thức thực tế:* Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; cách tiếp cận hệ thống đối với các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế; Có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh liên quan đến chuyên môn về kinh tế và quản lý kinh tế.

2.2. Kỹ năng:

(PLO3) *Kỹ năng nhận thức:* Có tư duy, nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn mới; Có năng lực tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, có khả năng đưa ra kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia

(PLO4) *Kỹ năng thực hành nghề nghiệp:* Thành thạo trong xử lý các vấn đề về lý thuyết và thực hành nghề nghiệp; Phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề, đặc biệt là có năng lực áp dụng những vấn đề lý thuyết vào thực tiễn xây dựng và thực thi chiến lược, chính sách; có năng lực hoạch định, chuyên gia cao cấp về phân biện chiến lược, chính sách và quyết định quản lý kinh tế; Ứng dụng được những phương pháp, công cụ hiện đại phục vụ trong nghiên cứu và phát triển hoạt động chuyên môn.

(PLO5) *Kỹ năng giao tiếp, ứng xử:* Có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành chuyên môn; Có khả năng hiểu và diễn đạt bằng ngoại ngữ tiếng Anh các báo cáo, trao đổi về chuyên môn và học thuật ở mức độ thành thạo.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

(PLO6) Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn;

(PLO7) Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

3. Điều kiện dự tuyển

3.1. Điều kiện về văn bằng

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo tiến sĩ. Cụ thể:

a) Người dự tuyển có bằng thạc sĩ:

- Ngành đúng: Ngành quản lý kinh tế (mã số: 8340410)
- Ngành gần: Các ngành thuộc nhóm ngành kinh tế học (mã số: 83101);
- Các ngành còn lại thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý không phải là ngành đúng và ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển.

b) Người dự tuyển có bằng đại học hạng giỏi trở lên thuộc ngành đúng với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: Ngành kinh tế (mã số: 7310101)

Danh mục các ngành thạc sĩ và đại học được coi là phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo tiến sĩ sẽ được cập nhật hàng năm trong thông báo tuyển sinh của Trường.

c) Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có văn bản công nhận văn bằng do Cục Quản lý Chất lượng Giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp.

3.2. Điều kiện về nghiên cứu khoa học

Là tác giả của 01 bài báo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình, hoặc kỉ yếu hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế có mã số ISBN, trong thời hạn 3 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng kí dự tuyển.

3.3. Có dự thảo đề cương nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ

Dự thảo đề cương nghiên cứu cần trình bày rõ tên đề tài hoặc định hướng nghiên cứu; ngành và mã số; lý do lựa chọn đề tài/hướng nghiên cứu; tổng quan công trình khoa học đã được công bố về đề tài/hướng nghiên cứu; mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu dự kiến thực hiện; dự kiến đóng góp của đề tài nghiên cứu; dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu của NCS (nếu trúng tuyển); và đề xuất người hướng dẫn khoa học (nếu có).

3.4. Có ít nhất một thư giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh: Nhà khoa học giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh phải có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

3.5. Điều kiện về ngoại ngữ

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của nhà trường còn hiệu lực (trong thời hạn 24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển, hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) được cấp bởi một tổ chức khảo thí được Bộ Giáo dục Đào tạo công nhận;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b) khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c); thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, và có trình độ tiếng Anh tối thiểu từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3.6. Được cơ quan công tác cử đi dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức); hoặc cơ sở đào tạo (nơi sinh viên vừa tốt nghiệp); hoặc được xác nhận nhân thân bởi chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với người làm nghề tự do). Riêng người dự tuyển là công dân nước ngoài có thể được giới thiệu bởi cơ quan quản lý nhân sự, cơ sở đào tạo bậc đại học/thạc sĩ hoặc đại sứ quán.

3.7. Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng ngành dự tuyển do Hiệu trưởng quy định.

4. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển và Kết hợp xét tuyển với thi tuyển theo thông báo tuyển sinh tiến sĩ của Trường Đại học Thương mại.

5. Điều kiện tốt nghiệp: Người học sẽ được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp sau khi hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo và đáp ứng các yêu cầu theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Thương mại.

6. Chương trình đào tạo trình tiến sĩ:

6.1. Chương trình đào tạo cho NCS có bằng thạc sĩ:

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ:

STT	KIẾN THỨC / HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	12
1.1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	4
1.2	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao (chọn 3 trong 5 chuyên đề)	3
	<i>1. Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường hiện đại</i>	1
	<i>2. Bài học kinh nghiệm quốc tế trong quản lý nhà nước về kinh tế</i>	1
	<i>3. Quản lý nhà nước đối với các khu vực kinh tế đặc biệt</i>	1
	<i>4. Quản lý nhà nước đối với thương mại hội nhập</i>	1
	<i>5. Đổi mới và hoàn thiện quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam</i>	1
1.3	Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ	5
	Tên học phần tiến sĩ 3 có quyết định riêng cho từng khóa đào tạo căn cứ vào đề xuất của người hướng dẫn khoa học và ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học đào tạo tiến sĩ cấp bộ môn	
2	Nghiên cứu khoa học	18
2.1	Tiểu luận tổng quan	3
2.2	Các chuyên đề tiến sĩ	9
	Chuyên đề 1	3
	Chuyên đề 2	3
	Chuyên đề 2	3
2.3	Đề tài nghiên cứu khoa học	6
3	Luận án tiến sĩ	60
	Tổng cộng	90

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gần với ngành đào tạo tiến sĩ: Ngoài CTĐT

cho NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ, *phải học bổ sung thêm 3 học phần (6 tín chỉ) trong CTĐT trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo*: Kinh tế vĩ mô (2TC), Luật kinh tế nâng cao (2TC), Quản lý công (2TC).

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ các ngành còn lại thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý không phải là ngành đúng, ngành gần với ngành đào tạo tiến sĩ: Ngoài CTĐT cho NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ, *phải học bổ sung thêm 5 học phần (10 tín chỉ) trong CTĐT trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo*. Các học phần bổ sung được thực hiện theo quy định của Trường.

6.2. Chương trình đào tạo cho NCS có bằng đại học:

STT	KIẾN THỨC / HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo (được miễn 3 học phần (18 TC): 1) Tiếng Anh tăng cường (3TC), 2) Thực tập (6TC), 3) Đề án tốt nghiệp (9TC))	42
2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	12
2.1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	4
2.2	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao (chọn 3 trong 5 chuyên đề)	3
	1. Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường hiện đại	1
	2. Bài học kinh nghiệm quốc tế trong quản lý nhà nước về kinh tế	1
	3. Quản lý nhà nước đối với các khu vực kinh tế đặc biệt	1
	4. Quản lý nhà nước đối với thương mại hội nhập	1
	5. Đổi mới và hoàn thiện quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam	1
2.3	Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ	5
	Tên học phần tiến sĩ 3 có quyết định riêng cho từng khóa đào tạo căn cứ vào đề xuất của người hướng dẫn khoa học và ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học đào tạo tiến sĩ cấp bộ môn	
3	Nghiên cứu khoa học	18
3.1	Tiểu luận tổng quan	3
3.2	Các chuyên đề tiến sĩ	9
	Chuyên đề 1	3
	Chuyên đề 2	3
	Chuyên đề 2	3
3.3	Đề tài nghiên cứu khoa học	6
4	Luận án tiến sĩ	60
	Tổng cộng	132

6.3. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo:

(Phụ lục kèm theo).

7. Kế hoạch đào tạo

- Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ là 03 năm (36 tháng) đến 04 năm

(48 tháng). Nghiên cứu sinh dự tuyển có bằng thạc sĩ có thể đăng kí thời gian đào tạo 03 năm (36 tháng). Thời gian đào tạo được xác định tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh và kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá của từng nghiên cứu sinh.

- Hình thức đào tạo: thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường theo kế hoạch đã được phê duyệt, trong đó nghiên cứu sinh cần đăng kí đủ 30 tín chỉ trong ít nhất hai năm học đầu của chương trình đào tạo, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

Kế hoạch đào tạo cho nghiên cứu sinh

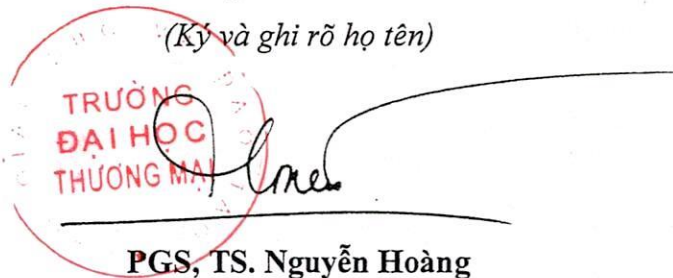
Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu (gợi ý)	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Giảng viên
Năm thứ 1 (30 tín chỉ)	Các học phần ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế (nếu có)	42 tín chỉ	
	Hoàn thành học phần 1, 2	7 tín chỉ	
	Hoàn thành học phần 3	5 tín chỉ	
	Nộp Tiểu luận tổng quan nghiên cứu	3 tín chỉ	
	Hoàn thành chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu	10 tín chỉ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 1	3 tín chỉ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn
	Thực hiện một phần nội dung đề tài NCKH	2 tín chỉ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh
Năm thứ 2 (30 tín chỉ)	Hoàn thành đề tài NCKH và báo cáo kết quả nghiên cứu tại Hội nghị cấp Trường	4 tín chỉ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 2	3 tín chỉ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 3	3 tín chỉ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn
	Hoàn thành chương Cơ sở lý thuyết	10 tín chỉ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn
	Hoàn thành chương Phương pháp nghiên cứu	10 tín chỉ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn
Năm thứ 3 (20 tín chỉ)	Hoàn thành chương Kết quả nghiên cứu	10 tín chỉ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn
	Hoàn thành chương Kết luận và hàm ý chính sách	10 tín chỉ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn

Năm thứ 4 (10 tín chỉ)	Hoàn thành các nội dung còn lại của luận án (Phần Giới thiệu luận án, tóm tắt luận án, trang thông tin những đóng góp mới của luận án)	10 tín chỉ	
---------------------------	--	------------	--

Lưu ý: Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI

PGS, TS. Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS, TS. Hà Văn Sự

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1116.../QĐ-ĐHTM ngày 21/1/2022
của Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Tiến sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng Doctor of Philosophy in Finance and Banking
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Ngành đào tạo:	Tài chính – Ngân hàng
Mã ngành:	9.34.02.01
Chuyên ngành đào tạo:	Tài chính – Ngân hàng

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Tiến sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng
- Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Doctor of Philosophy in Finance and Banking
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Ngành đào tạo: Tài chính – ngân hàng Mã ngành: 9.34.02.01

2. Mục tiêu của chương trình

Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo Tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng có kiến thức chuyên sâu về kinh tế, tài chính – ngân hàng; có phương pháp tư duy khoa học; có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề mới trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có khả năng nghiên cứu độc lập, tổ chức thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu; trở thành các chuyên gia cao cấp trong việc phân tích, tư vấn, phản biện và thực thi chính sách kinh tế, các nhà hoạch định chính sách, các nhà lãnh đạo hàng đầu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

3. Yêu cầu về kiến thức

Nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ chuyên ngành tài chính - ngân hàng đạt chuẩn kiến thức cụ thể như sau:

PLO1 - Có kiến thức hệ thống, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

PLO2 - Có kiến thức cốt lõi, nền tảng, làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật; phát triển các nguyên lý, học thuyết có liên quan thuộc chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

PLO3 - Có kiến thức kinh tế tổng hợp và kiến thức liên ngành nâng cao; kiến thức về quản trị các tổ chức tài chính.

PLO4 - Có kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới; Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng trong nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

4. Yêu cầu về kỹ năng

Nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ chuyên ngành tài chính - ngân hàng đạt chuẩn về kỹ năng như sau:

PLO5 - Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển.

PLO6 - Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

PLO7 - Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.

PLO8 - Có kỹ năng nghiên cứu độc lập và tổ chức nhóm nghiên cứu, biết tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học.

PLO9 - Có đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia các Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu.

5. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO10 - Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng và vì cộng đồng.

PLO11 - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đương đầu với rủi ro, có tinh thần tự tôn, linh hoạt và sáng tạo.

PLO12 - Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng; tuân thủ đạo đức của nhà nghiên cứu; đưa ra được những sáng kiến có giá trị khoa học và thực tiễn để xử lý các tình huống kinh tế xã hội phát sinh.

PLO13 - Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.

PLO14 - Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ chuyên ngành tài chính - ngân hàng của Trường Đại học Thương mại có thể tốt làm các công việc như:

- Giảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học trình độ cao tại các trường đại học khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

- Nghiên cứu viên trình độ cao tại các viện nghiên cứu, các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, kinh doanh và quản lý.

- Lãnh đạo, cán bộ quản lý, chuyên gia trình độ cao trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, kinh doanh và quản lý tại các doanh nghiệp, các định chế tài chính, các tổ chức kinh tế - xã hội, các cơ quan quản lý nhà nước.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra tốt nghiệp

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, các tiến sĩ chuyên ngành tài chính - ngân hàng có khả năng:

- Tiếp tục học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ sau tiến sĩ;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức mới và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

8. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo

8.1. Trong nước

- Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành tài chính - ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế quốc dân;

- Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành tài chính - ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành tài chính - ngân hàng của Trường Đại học Ngoại Thương;

- Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành tài chính - ngân hàng của Học viện Tài chính;

- Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành tài chính - ngân hàng của Học viện Ngân hàng;

8.2. Ngoài nước

- Chương trình đào tạo tiến sĩ tài chính ngân hàng của University of Greenwich, London, the UK: Business - Research, MPhil/PhD <https://www.gre.ac.uk/postgraduate-courses/bus/busphd>



- Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra tiến sĩ tài chính ngân hàng (Banking and Finance) của University of Nottingham, UK : Business PhD <https://www.nottingham.ac.uk/pgstudy/course/research/business-phd>

- Chương trình đào tạo của Trường BIRMINGHAM (UK): PhD/MPhil/MSc Finance Research) <https://www.birmingham.ac.uk/postgraduate/courses/research/business/finance-phd.aspx>

- Chương trình đào tạo của Trường MONASH (Australia): Business and Economics Doctorate/PhD <https://www.monash.edu/study/courses/find-a-course/2022/business-and-economics-0029>

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS, TS. Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA TCNH

(Ký và ghi rõ họ tên)


PGS, TS. Lê Thị Kim Nhung

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 111 ngày 11 tháng 11 năm 2012
của Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Tiến sĩ Tài chính – Ngân hàng Doctor of Philosophy in Finance and Banking
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Ngành đào tạo:	Tài chính – Ngân hàng
Mã ngành:	9.34.02.01
Chuyên ngành đào tạo:	Tài chính – Ngân hàng

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

*** Mục tiêu chung:**

Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo Tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng có kiến thức chuyên sâu về kinh tế, tài chính – ngân hàng; có phương pháp tư duy khoa học; có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề mới trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có khả năng nghiên cứu độc lập, tổ chức thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu; trở thành các chuyên gia cao cấp trong việc phân tích, tư vấn, phản biện và thực thi chính sách kinh tế, các nhà hoạch định chính sách, các nhà lãnh đạo hàng đầu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

*** Mục tiêu cụ thể:**

- Kiến thức: Trang bị cho người học kiến thức hệ thống, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng; kiến thức kinh tế tổng hợp và kiến thức liên ngành nâng cao; kiến thức về quản trị các tổ chức tài chính; kiến thức về phương pháp tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới.

- Kỹ năng: Trang bị cho người học các kỹ năng chuyên môn sâu, kỹ năng thực hành nghề nghiệp để có thể làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển; có thể làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; Có kỹ năng nghiên cứu độc lập và tổ chức nhóm nghiên cứu, biết tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm: Trang bị cho người học khả năng tự chủ trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt

ng nghiệp trình độ tiến sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng.

- Trình độ ngoại ngữ: có đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án.

- Vị trí việc làm sau tốt nghiệp: trở thành giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ lãnh đạo quản lý, chuyên gia thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ chuyên ngành tài chính - ngân hàng đạt chuẩn kiến thức cụ thể như sau:

PLO1 - Có kiến thức hệ thống, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

PLO2 - Có kiến thức cốt lõi, nền tảng, làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật; phát triển các nguyên lý, học thuyết có liên quan thuộc chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

PLO3 - Có kiến thức kinh tế tổng hợp và kiến thức liên ngành nâng cao; kiến thức về quản trị các tổ chức tài chính.

PLO4 - Có kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới; Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng trong nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

2.2. Kỹ năng

Nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ chuyên ngành tài chính - ngân hàng đạt chuẩn về kỹ năng như sau:

PLO5 - Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển.

PLO6 - Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

PLO7 - Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.

PLO8 - Có kỹ năng nghiên cứu độc lập và tổ chức nhóm nghiên cứu, biết tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học.

PLO9 - Có đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia các Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO10 - Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng và vì cộng đồng.

PLO11 - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đương đầu với rủi ro, có tinh thần tự tôn, linh hoạt và sáng tạo.

PLO12 - Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng; tuân thủ đạo đức của nhà nghiên cứu; đưa ra được những sáng kiến có giá trị khoa học và thực tiễn để xử lý các tình huống kinh tế xã hội phát sinh.

PLO13 - Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.

PLO14 - Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

3. Điều kiện dự tuyển

3.1 Điều kiện về văn bằng

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên phù hợp với ngành đăng kí dự tuyển đào tạo tiến sĩ. Cụ thể:

a) Người dự tuyển có bằng thạc sĩ:

- Ngành đúng: Ngành Tài chính – Ngân hàng (mã số 8.34.02.01);

- Ngành gần: Các ngành thuộc nhóm ngành Ngành Tài chính – Ngân hàng và Bảo hiểm (mã số 8.34.02);

- Các ngành còn lại thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý không phải là ngành đúng và ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển.

b) Người dự tuyển có bằng đại học hạng giỏi trở lên thuộc ngành đúng với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: Ngành Tài chính – Ngân hàng (mã số 7.34.02.01)

Danh mục các ngành thạc sĩ và đại học được coi là phù hợp với ngành đăng kí dự tuyển đào tạo tiến sĩ sẽ được cập nhật hàng năm trong thông báo tuyển sinh của Trường.

c) Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có văn bản công nhận văn bằng do Cục Quản lý Chất lượng Giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp; Trường sẽ thành lập Hội đồng xét công nhận khối lượng

chuyển đổi kết quả học tập và các học phần phải học bổ sung.

3.2. Điều kiện về nghiên cứu khoa học

Là tác giả của 01 bài báo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình, hoặc kì yếu hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế có mã số ISBN, trong thời hạn 3 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng kí dự tuyển.

3.3. Có dự thảo đề cương nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ

Dự thảo đề cương nghiên cứu cần trình bày rõ tên đề tài hoặc định hướng nghiên cứu; ngành và mã số; lý do lựa chọn đề tài/hướng nghiên cứu; tổng quan công trình khoa học đã được công bố về đề tài/hướng nghiên cứu; mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu dự kiến thực hiện; dự kiến đóng góp của đề tài nghiên cứu; dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu của NCS (nếu trúng tuyển); và đề xuất người hướng dẫn khoa học (nếu có).

3.4. Có ít nhất một thư giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh: Nhà khoa học giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh phải có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

3.5. Điều kiện về ngoại ngữ

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của nhà trường còn hiệu lực (trong thời hạn 24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển, hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) được cấp bởi một tổ chức khảo thí được Bộ Giáo dục Đào tạo công nhận;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b) khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c); thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, và có trình độ tiếng Anh tối thiểu từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3.6. Được cơ quan công tác cử đi dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức); hoặc cơ sở đào tạo (nơi sinh viên vừa tốt nghiệp); hoặc được xác nhận nhân thân bởi chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với người làm nghề tự do). Riêng người dự tuyển là công dân nước ngoài có thể được giới thiệu bởi cơ quan quản lý nhân sự, cơ sở đào tạo bậc đại học/thạc sĩ hoặc đại sứ quán.

3.7. Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng ngành dự tuyển do Hiệu trưởng quy định.

4. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển và kết hợp xét tuyển với thi tuyển theo thông báo tuyển sinh tiến sĩ của Trường Đại học Thương mại.

5. Điều kiện tốt nghiệp

Người học sẽ được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp sau khi hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo và đáp ứng các yêu cầu theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Thương mại.

6. Nội dung chương trình đào tạo

6.1. Chương trình đào tạo cho NCS có bằng thạc sĩ:

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ:

STT	KIẾN THỨC/HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	12
1.1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	4
1.2	Kinh tế học tài chính ứng dụng (chọn 3 trong 5 chuyên đề)	3
	1. Công cụ chính sách tiền tệ truyền thống và phi truyền thống - Lý luận và thực tiễn	1
	2. Chiến lược, chiến thuật điều hành chính sách tiền tệ - Lý luận và thực tiễn	1
	3. Tái cấu trúc ngân hàng thương mại - Lý luận và thực tiễn	1
	4. Lý thuyết kỳ vọng hợp lý - Bằng chứng thực nghiệm và những vấn đề thảo luận	1
	5. Tái cấu trúc doanh nghiệp - Lý thuyết và thực tiễn	1

1.3	Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ:	5
	Tên học phần tiến sĩ 3 có quyết định riêng cho từng khóa đào tạo căn cứ vào đề xuất của người hướng dẫn khoa học và ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học đào tạo tiến sĩ cấp bộ môn	
2	Nghiên cứu khoa học	18
2.1	Tiểu luận tổng quan	3
2.2	Các chuyên đề tiến sĩ	9
	Chuyên đề 1	3
	Chuyên đề 2	3
	Chuyên đề 3	3
2.3	Đề tài nghiên cứu khoa học	6
3	Luận án tiến sĩ	60
	Tổng số tín chỉ	90

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gần với ngành đào tạo tiến sĩ: Ngoài CTĐT cho NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ, *phải học bổ sung thêm 3 học phần (6 tín chỉ) trong CTĐT trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo*: Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao (2TC), Quản trị tài chính nâng cao (2TC), Tài chính công nâng cao (2TC).

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ các ngành còn lại thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý không phải là ngành đúng, ngành gần với ngành đào tạo tiến sĩ: Ngoài CTĐT cho NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ, *phải học bổ sung thêm 5 học phần (10 tín chỉ) trong CTĐT trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo*. Các học phần bổ sung được thực hiện theo quy định của Trường.

6.2. Chương trình đào tạo cho NCS có bằng đại học:

STT	KIẾN THỨC /HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo	42
2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	12
2.1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	4
2.2	Kinh tế học tài chính ứng dụng (chọn 3 trong 5 chuyên đề)	3
	1. Công cụ chính sách tiền tệ truyền thống và phi truyền thống - Lý luận và thực tiễn	1
	2. Chiến lược, chiến thuật điều hành chính sách tiền tệ - Lý luận và thực tiễn	1

	3. Tái cấu trúc ngân hàng thương mại - Lý luận và thực tiễn	1
	4. Lý thuyết kỳ vọng hợp lý - Bằng chứng thực nghiệm và những vấn đề thảo luận	1
	5. Tái cấu trúc doanh nghiệp - Lý thuyết và thực tiễn	1
2.3	Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ:	5
	Tên học phần tiến sĩ 3 có quyết định riêng cho từng khóa đào tạo căn cứ vào đề xuất của người hướng dẫn khoa học và ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học đào tạo tiến sĩ cấp bộ môn	
3	Nghiên cứu khoa học	18
3.1	Tiểu luận tổng quan	3
3.2	Các chuyên đề tiến sĩ	9
	Chuyên đề 1	3
	Chuyên đề 2	3
	Chuyên đề 3	3
3.3	Đề tài nghiên cứu khoa học	6
4	Luận án tiến sĩ	60
	Tổng số tín chỉ	132

6.3. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo

(Xem trong phụ lục kèm theo)

7. Kế hoạch đào tạo

- Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ là 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng). Nghiên cứu sinh dự tuyển có bằng thạc sĩ có thể đăng kí thời gian đào tạo 03 năm (36 tháng). Thời gian đào tạo được xác định tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh và kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá của từng nghiên cứu sinh.

- Hình thức đào tạo: thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường theo kế hoạch đã được phê duyệt, trong đó nghiên cứu sinh cần đăng kí đủ 30 tín chỉ trong ít nhất hai năm học đầu của chương trình đào tạo, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

7.1. Kế hoạch đào tạo cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Giảng viên
---------	------------------------------	--	------------

Năm thứ 1 (30 tín chỉ)	Hoàn thành các học phần bổ sung (nếu có)	...tín chỉ	
	Hoàn thành học phần 1.1 và 1.2	7 tín chỉ	
	Hoàn thành học phần 1.3	5 tín chỉ	
	Nộp Tiểu luận tổng quan nghiên cứu	3 tín chỉ	
	Hoàn thành chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu	10 tín chỉ	
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 1	3 tín chỉ	
	Thực hiện một phần nội dung đề tài NCKH	2 tín chỉ	
Năm thứ 2 (30 tín chỉ)	Hoàn thành đề tài NCKH và báo cáo kết quả nghiên cứu tại Hội nghị cấp Trường	4 tín chỉ	
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 2	3 tín chỉ	
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 3	3 tín chỉ	
	Hoàn thành chương Cơ sở lý thuyết	10 tín chỉ	
	Hoàn thành chương Phương pháp nghiên cứu	10 tín chỉ	
Năm thứ 3 (20 tín chỉ)	Hoàn thành chương Kết quả nghiên cứu	10 tín chỉ	
	Hoàn thành chương Kết luận và hàm ý chính sách	10 tín chỉ	
Năm thứ 4 (10 tín chỉ)	Hoàn thành các nội dung còn lại của luận án (Phần Giới thiệu luận án, tóm tắt luận án, trang thông tin những đóng góp mới của luận án)	10 tín chỉ	

7.2. Kế hoạch đào tạo cho nghiên cứu sinh có bằng cử nhân

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Giảng viên
Năm thứ 1 (42 tín chỉ)	Hoàn thành các học phần ở trình độ thạc sĩ cùng chuyên ngành đào tạo	42 tín chỉ	
Năm thứ 2 (30 tín chỉ)	Hoàn thành học phần 1.1 và 1.2	7 tín chỉ	
	Hoàn thành học phần 1.3	5 tín chỉ	
	Nộp Tiểu luận tổng quan nghiên cứu	3 tín chỉ	
	Hoàn thành chương Tổng quan về vấn đề	10 tín chỉ	

	nghiên cứu		
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 1	3 tín chỉ	
	Thực hiện một phần nội dung đề tài NCKH	2 tín chỉ	
Năm thứ 3 (30 tín chỉ)	Hoàn thành đề tài NCKH và báo cáo kết quả nghiên cứu tại Hội nghị cấp Trường	4 tín chỉ	
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 2	3 tín chỉ	
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 3	3 tín chỉ	
	Hoàn thành chương Cơ sở lý thuyết	10 tín chỉ	
	Hoàn thành chương Phương pháp nghiên cứu	10 tín chỉ	
Năm thứ 4 (30 tín chỉ)	Hoàn thành chương Kết quả nghiên cứu	10 tín chỉ	
	Hoàn thành chương Kết luận và hàm ý chính sách	10 tín chỉ	
	Hoàn thành các nội dung còn lại của luận án (Phần Giới thiệu luận án, tóm tắt luận án, trang thông tin những đóng góp mới của luận án)	10 tín chỉ	

- Nghiên cứu sinh xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá và đăng ký với nhà trường.

- Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần trong chương trình đào tạo được triển khai theo hình thức đào tạo trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến tùy thuộc điều kiện thực tế, bảo đảm theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và của Trường đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA TCNH



PGS,TS. Nguyễn Hoàng

PGS,TS. Lê Thị Kim Nhung

PHỤ LỤC: MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo

(1) Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh

* *Mục tiêu học phần:* Học phần cung cấp cho học viên cao học những kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế và kinh doanh, trên cơ sở đó học viên có thể phát triển kỹ năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết luận án tiến sĩ trên cả hai góc độ: Phương pháp nghiên cứu khoa học và phương pháp phân tích, xử lý dữ liệu phục vụ cho việc nghiên cứu nói chung và xử lý dữ liệu phục vụ cho việc thực hiện luận án tiến sĩ nói riêng.

* *Mô tả vắn tắt nội dung học phần:* Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu cho việc triển khai luận án tiến sĩ, cách thức thiết kế và tổng quan nghiên cứu, hiểu được các vấn đề liên quan tới đạo đức trong nghiên cứu, nắm được cách thức chọn mẫu, thu thập dữ liệu thứ cấp và sơ cấp trong nghiên cứu khoa học, cách thức phân tích dữ liệu định tính và định lượng, nắm được cấu trúc, hình thức và văn phong sử dụng trong báo cáo khoa học, cũng như cách thức thuyết trình kết quả báo cáo nghiên cứu khoa học và một số quy định về trình bày báo cáo khoa học.

(2) Học phần Kinh tế học tài chính ứng dụng

* *Mục tiêu học phần:*

- Mục tiêu chung: Giúp cho người học có thể bổ sung, cập nhật, hoàn chỉnh các nền tảng lý thuyết và thực tiễn cần thiết trong nghiên cứu các vấn đề về sử dụng lý thuyết kỳ vọng hợp lý, sử dụng các công cụ, chiến lược, chiến thuật điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp, ngân hàng.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Cung cấp cho người học những hiểu biết chuyên sâu và nâng cao về nguyên lý sử dụng lý thuyết kỳ vọng hợp lý, các công cụ, chiến lược, chiến thuật điều hành chính sách tiền tệ trong nền kinh tế;

+ Các quan điểm, mục tiêu, nguyên lý và nội dung cốt lõi của tái cấu trúc doanh nghiệp và NHTM trong nền kinh tế, từ đó có thể phân tích, đánh giá, bình luận về tính hiệu quả của thị trường tài chính cũng như các chính sách của nhà nước và vai trò của các tác nhân liên quan trong sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ và thực hiện các hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp, ngân hàng.

* *Mô tả vắn tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về tiền tệ và hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường, các cơ sở lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm về việc sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ, chiến lược và chiến thuật điều hành chính sách tiền tệ trong nền kinh tế, về lý thuyết kỳ

vọng hợp lý và giả thuyết thị trường hiệu quả, cơ sở lý thuyết, nghiên cứu tình huống và các bằng chứng thực nghiệm về hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Trên cơ sở đó, học phần bàn luận chuyên sâu về các nguyên lý trong ứng dụng lý thuyết kỳ vọng hợp lý, phân tích, đánh giá các chính sách tài chính, tiền tệ và hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp, ngân hàng thương mại trong nền kinh tế.

(3) Luận án Tiến sĩ:

* *Yêu cầu của Luận án Tiến sĩ:* Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của NCS, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý thuyết và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án; Luận án tiến sĩ phải đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư 18/2021/TT_BGDĐT; Luận án tiến sĩ phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

* *Yêu cầu của Tóm tắt Luận án Tiến sĩ:* Tóm tắt luận án cần phản ánh trung thực kết cấu, bố cục của luận án; chỉ rõ một cách ngắn gọn lý do và mục tiêu nghiên cứu của luận án; tóm lược cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đã trình bày trong luận án; chỉ ra những điểm mới và hạn chế trong luận án; và ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Ban hành theo Quyết định số 1116.../QĐ-ĐHTM ngày 21/1/2022
của Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Tiến sĩ Kinh doanh Thương mại Doctor of Philosophy in Commercial Business
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Ngành đào tạo:	Kinh doanh Thương mại
Mã ngành:	9340121
Chuyên ngành đào tạo:	Kinh doanh Thương mại

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): **Tiến sĩ Kinh doanh Thương mại**
- Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): **Doctor of Philosophy in Commercial Business**
- Trình độ đào tạo: **Tiến sĩ**
- Ngành đào tạo: **Kinh doanh Thương mại** Mã ngành: 9340121
- Chuyên ngành: **Kinh doanh Thương mại**

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Tiến sĩ Kinh doanh Thương mại có mục tiêu đào tạo ra những người có khả năng tiến hành nghiên cứu độc lập và nghiên cứu đạt chất lượng cao, có khả năng thực hiện các nghiên cứu khởi đầu. Người học tốt nghiệp có được khả năng thiết kế nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu và báo cáo các nghiên cứu tiếp nối hoặc các nghiên cứu khởi đầu, có khả năng làm việc độc lập trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

3. Yêu cầu về kiến thức (kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết)

Tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh doanh Thương mại, người học đạt được các yêu cầu sau:

(PLO1): Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức lý luận và thực tiễn toàn diện về kinh tế, quản lý kinh doanh, môi trường và kiến thức chuyên sâu, tiên tiến thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại, làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật của lĩnh vực nghiên cứu trong môi trường kinh doanh truyền thống, và sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tri thức và kinh tế số

(PLO2): Vận dụng sáng tạo được các kiến thức tổng hợp lý luận và thực tiễn về nền tảng cơ sở của lĩnh vực kinh doanh thương mại cần thiết cho nghiên cứu có tính học thuật hoặc chuyên biệt trong kinh doanh thương mại. Nắm vững và vận dụng sáng tạo các kiến thức lý luận và thực tiễn có tính hệ thống và các vấn đề trọng yếu trong một hoặc nhiều lĩnh vực chuyên sâu trong kinh doanh thương mại

(PLO3): Vận dụng sáng tạo kiến thức về các nguyên lý và khái niệm nghiên cứu, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu cụ thể và có kiến thức phối hợp cũng như vận

dụng được chúng vào các ngành và chuyên môn có liên quan tới kinh doanh thương mại trong điều kiện thực tiễn của Việt Nam và bối cảnh môi trường trong và ngoài nước luôn biến động

4. Yêu cầu về kỹ năng (kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử)

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh doanh thương mại đạt được các yêu cầu sau:

(PLO4): Thực hiện sáng tạo các kỹ năng: phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp liên quan đến chuyên ngành và đưa ra các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề thông qua các kỹ năng tiến hành nghiên cứu độc lập có chất lượng và có tính khởi đầu. Cụ thể thực hiện sáng tạo kỹ năng nhận thức, thiết kế, thực hiện và hoàn thành độc lập một dự án hoặc chương trình nghiên cứu tạo ra các tri thức mới.

(PLO5): Thực hiện sáng tạo các kỹ năng: đánh giá có tính phân biện đa chiều các tài liệu học thuật, áp dụng tư duy phê phán và sáng tạo để giải quyết các vấn đề nghiên cứu chủ đạo trong các lĩnh vực kinh doanh thương mại

(PLO6): Thực hiện sáng tạo các kỹ năng: nghiên cứu cần thiết cho nghiên cứu học thuật hoặc thực hành nghiên cứu các hướng chuyên sâu của kinh doanh thương mại; kỹ năng giải quyết vấn đề

(PLO7): Thực hiện thành thạo các kỹ năng truyền đạt các luận điểm một cách thuyết phục, rõ ràng và phù hợp với các đối tượng người nhận thông tin trong giới học thuật và kinh doanh

(PLO8): Sử dụng các phần mềm phục vụ cho kỹ năng phân tích dữ liệu như Excel, SPSS...

5. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm (trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ)

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh doanh thương mại đạt được các yêu cầu sau:

(PLO9): Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo, năng lực phê phán có năng lực suy nghĩ logic và hợp lý;

(PLO10): Có khả năng phát hiện những vấn đề nghiên cứu mới từ lý luận và thực tiễn, thực hiện các nghiên cứu có ý nghĩa một cách độc lập; Có khả năng đề xuất các sáng kiến/ giải pháp có giá trị khoa học; năng lực đề xuất các giải pháp sáng tạo và sáng kiến trong lĩnh vực kinh tế hoặc lĩnh vực có liên quan đến vấn đề nghiên cứu ở cả cấp độ quốc gia, ngành và doanh nghiệp ...

(PLO11): Có khả năng tổ chức, quản lý, lãnh đạo triển khai các dự án, các định hướng nghiên cứu liên quan tới lĩnh vực chuyên môn được đào tạo/ ngành đào tạo của một chuyên gia, nhà nghiên cứu hàng đầu; Có khả năng phân biện độc lập, đa chiều với các quan điểm, định hướng và các vấn đề nghiên cứu; Có khả năng ứng phó phù hợp với những vấn đề phát sinh trong triển khai nghiên cứu và hoạt động chuyên môn;

(PLO12): Có khả năng làm việc độc lập và năng lực làm việc nhóm; Có tinh thần hợp tác, hỗ trợ, chia sẻ tri thức và trách nhiệm trong nhóm công tác và nghiên cứu.

(PLO13): Có ý thức và thực hành tốt các quy định pháp luật; Có kỷ luật, kỷ cương, nghiêm túc, trung thực trong hoạt động khoa học, tuân thủ nguyên tắc đạo đức trong chuyên môn và nghiên cứu; Có trách nhiệm cao với cộng đồng, xã hội trong nghiên cứu, triển khai, công bố, ứng dụng kết quả nghiên cứu; Có ý thức trách nhiệm cao và tác phong làm việc và

nghiên cứu chuyên nghiệp;

6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Kinh doanh Thương mại của Trường Đại học Thương mại có thể tốt làm các công việc như:

- Các vị trí giảng dạy và nghiên cứu như cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu trình độ cao tại các cơ sở/ tổ chức giáo dục, và viện/ đơn vị nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực kinh doanh thương mại, quản lý và kinh tế.

- Cán bộ nghiên cứu trình độ cao tại các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

- Lãnh đạo, cán bộ quản lý, chuyên gia trình độ cao trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý tại các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội, các đơn vị và cơ quan quản lý nhà nước.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp chương trình: Được trang bị kiến thức nền tảng vững, nắm vững kiến thức chuyên ngành, có khả năng làm việc độc lập, là cơ sở để học tập suốt đời và hướng dẫn người khác làm nghiên cứu.

8. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo

8.1. Trong nước

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2010), Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo, Hướng dẫn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/04/2010.

2. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2012), Luật Giáo dục đại học.

3. Chuẩn đầu ra chương trình tiến sĩ Kinh tế chính trị của Đại học Kinh tế - Luật TPHCM, https://sdh.neu.edu.vn/bai-viet/thong-bao-tuyen-sinh-trinh-do-tien-si-nam-2021__188.html

4. Chuẩn đầu ra chương trình tiến sĩ Kinh doanh Thương mại của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân,

<https://sdh.neu.edu.vn/storage/files/Chuong%20trinh%20dao%20tao%20tien%20si%20tieng%20Viet.pdf>

8.2. Ngoài nước

4. Chuẩn đầu ra của chương trình Tiến sĩ về kinh doanh của trường đại học UTS của Australia. **Doctor of Philosophy in Business**, <https://www.handbook.uts.edu.au/courses/c02048.html#:~:text=The%20degree%20of%20Doctor%20of,original%20investigation%2C%20review%20or%20criticism.&text=The%20UTS%20Business%20School%20PhD,completion%20of%20world%2Dclass%20research.>

5. Chuẩn đầu ra của chương trình Tiến sĩ về kinh doanh trường đại học Swinburn của Australia, **Doctor of Philosophy Business**,

<https://www.swinburne.edu.au/study/course/Doctor-of-Philosophy-%5BBusiness%5D-DR-BUS/local>

HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

PGS, TS Phan Thị Thu Hoài

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 116 ngày 21 tháng 1 năm 2022
của Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Tiến sĩ Kinh doanh Thương mại Doctor of Philosophy in Commercial Business
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Ngành đào tạo:	Kinh doanh Thương mại
Mã ngành:	9340121
Chuyên ngành đào tạo:	Kinh doanh Thương mại

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Tiến sĩ Kinh doanh Thương mại có mục tiêu đào tạo ra những người có khả năng tiến hành nghiên cứu độc lập và nghiên cứu đạt chất lượng cao, có khả năng thực hiện các nghiên cứu khởi đầu. Người học tốt nghiệp có được khả năng thiết kế nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu và báo cáo các nghiên cứu tiếp nối hoặc các nghiên cứu khởi đầu, có khả năng làm việc độc lập trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Người học tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, trình độ ngoại ngữ được công bố trong chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Kiến thức (kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết)

Tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh doanh thương mại, người học đạt được các yêu cầu sau:

(PLO1): Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức lý luận và thực tiễn toàn diện về kinh tế, quản lý kinh doanh, môi trường và kiến thức chuyên sâu, tiên tiến thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại, làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật của lĩnh vực nghiên cứu trong môi trường kinh doanh truyền thống, và sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tri thức và kinh tế số

(PLO2): Vận dụng sáng tạo được các kiến thức tổng hợp lý luận và thực tiễn về nền tảng cơ sở của lĩnh vực kinh doanh thương mại cần thiết cho nghiên cứu có tính học thuật hoặc chuyên biệt trong kinh doanh thương mại. Nắm vững và vận dụng sáng tạo các kiến thức lý luận và thực tiễn có tính hệ thống và các vấn đề trọng yếu trong một hoặc nhiều lĩnh vực chuyên sâu trong kinh doanh thương mại

(PLO3): Vận dụng sáng tạo kiến thức về các nguyên lý và khái niệm nghiên cứu, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu cụ thể và có kiến thức phối hợp cũng như vận dụng được chúng vào các ngành và chuyên môn có liên quan tới kinh doanh thương mại trong điều kiện thực tiễn của Việt Nam và bối cảnh môi trường trong và ngoài nước luôn biến động

2.2. Kỹ năng (kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử)

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh doanh thương mại đạt được các yêu cầu sau:

(PLO4): Thực hiện sáng tạo các kỹ năng: phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp liên quan đến chuyên ngành và đưa ra các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề thông qua các kỹ năng tiến hành nghiên cứu độc lập có chất lượng và có tính khởi đầu. Cụ thể thực hiện sáng tạo kỹ năng nhận thức, thiết kế, thực hiện và hoàn thành độc lập một dự án hoặc chương trình nghiên cứu tạo ra các tri thức mới.

(PLO5): Thực hiện sáng tạo các kỹ năng: đánh giá có tính phản biện đa chiều các tài liệu học thuật, áp dụng tư duy phê phán và sáng tạo để giải quyết các vấn đề nghiên cứu chủ đạo trong các lĩnh vực kinh doanh thương mại

(PLO6): Thực hiện sáng tạo các kỹ năng: nghiên cứu cần thiết cho nghiên cứu học thuật hoặc thực hành nghiên cứu các hướng chuyên sâu của kinh doanh thương mại; kỹ năng giải quyết vấn đề

(PLO7): Thực hiện thành thạo các kỹ năng truyền đạt các luận điểm một cách thuyết phục, rõ ràng và phù hợp với các đối tượng người nhận thông tin trong giới học thuật và kinh doanh

(PLO8): Sử dụng các phần mềm phục vụ cho kỹ năng phân tích dữ liệu như Excel, SPSS ...

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm (trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ)

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh doanh thương mại đạt được các yêu cầu sau:

(PLO9): Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo, năng lực phê phán có năng lực suy nghĩ logic và hợp lý;

(PLO10): Có khả năng phát hiện những vấn đề nghiên cứu mới từ lý luận và thực tiễn, thực hiện các nghiên cứu có ý nghĩa một cách độc lập; Có khả năng đề xuất các sáng kiến/ giải pháp có giá trị khoa học; năng lực đề xuất các giải pháp sáng tạo và sáng kiến trong lĩnh vực kinh tế hoặc lĩnh vực có liên quan đến vấn đề nghiên cứu ở cả cấp độ quốc gia, ngành và doanh nghiệp ...

(PLO11): Có khả năng tổ chức, quản lý, lãnh đạo triển khai các dự án, các định hướng nghiên cứu liên quan tới lĩnh vực chuyên môn được đào tạo/ ngành đào tạo của một chuyên gia, nhà nghiên cứu hàng đầu; Có khả năng phản biện độc lập, đa chiều với các quan điểm, định hướng và các vấn đề nghiên cứu; Có khả năng ứng phó phù hợp với những vấn đề phát sinh trong triển khai nghiên cứu và hoạt động chuyên môn;

(PLO12): Có khả năng làm việc độc lập và năng lực làm việc nhóm; Có tinh thần hợp tác, hỗ trợ, chia sẻ tri thức và trách nhiệm trong nhóm công tác và nghiên cứu.

(PLO13): Có ý thức và thực hành tốt các quy định pháp luật; Có kỷ luật, kỷ cương, nghiêm túc, trung thực trong hoạt động khoa học, tuân thủ nguyên tắc đạo đức trong chuyên môn và nghiên cứu; Có trách nhiệm cao với cộng đồng, xã hội trong nghiên cứu, triển khai, công bố, ứng dụng kết quả nghiên cứu; Có ý thức trách nhiệm cao và tác phong làm việc và nghiên cứu chuyên nghiệp;

3. Điều kiện dự tuyển

3.1 Điều kiện về văn bằng

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên phù hợp với ngành đăng kí dự tuyển đào tạo tiến sĩ. Cụ thể:

a) Người dự tuyển có bằng thạc sĩ:

- Ngành đúng: Kinh doanh Thương mại (8340121).
- Ngành gần: Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh (83401)
- Các ngành còn lại thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý (834) không phải là ngành đúng ko phải là ngành gần với ngành Kinh doanh Thương mại.

b) Người dự tuyển có bằng đại học hạng giỏi trở lên thuộc ngành đúng với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: Kinh doanh Thương mại (7340121) và Marketing (7340115)

Danh mục các ngành thạc sĩ và đại học được coi là phù hợp với ngành đăng kí dự tuyển đào tạo tiến sĩ sẽ được cập nhật hàng năm trong thông báo tuyển sinh của Trường.

d) Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có văn bản công nhận văn bằng do Cục Quản lý Chất lượng Giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp.

3.2. Điều kiện về nghiên cứu khoa học

Là tác giả của 01 bài báo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình, hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế có mã số ISBN, trong thời hạn 3 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng kí dự tuyển.

3.3. Có dự thảo đề cương nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ

Dự thảo đề cương nghiên cứu cần trình bày rõ tên đề tài hoặc định hướng nghiên cứu; ngành và mã số; lý do lựa chọn đề tài/hướng nghiên cứu; tổng quan công trình khoa học đã được công bố về đề tài/hướng nghiên cứu; mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu dự kiến thực hiện; dự kiến đóng góp của đề tài nghiên cứu; dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu của NCS (nếu trúng tuyển); và đề xuất người hướng dẫn khoa học (nếu có).

3.4. Có ít nhất một thư giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh: Nhà khoa học giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh phải có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

3.5. Điều kiện về ngoại ngữ

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của nhà trường còn hiệu lực (trong thời hạn 24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển, hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) được cấp bởi một tổ chức khảo thí được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b) khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c); thì phải có khả năng

giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, và có trình độ tiếng Anh tối thiểu từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3.6. Được cơ quan công tác cử đi dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức); hoặc cơ sở đào tạo (nơi sinh viên vừa tốt nghiệp); hoặc được xác nhận nhân thân bởi chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với người làm nghề tự do). Riêng người dự tuyển là công dân nước ngoài có thể được giới thiệu bởi cơ quan quản lý nhân sự, cơ sở đào tạo bậc đại học/thạc sĩ hoặc đại sứ quán.

3.7. Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng ngành dự tuyển do Hiệu trưởng quy định.

4. Phương thức tuyển sinh

Kết hợp xét tuyển với thi tuyển theo đề án tuyển sinh tiến sĩ của Trường Đại học Thương mại.

5. Điều kiện tốt nghiệp

Người học sẽ được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp sau khi hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo và đáp ứng các yêu cầu theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Thương mại.

6. Nội dung chương trình đào tạo

6.1. Chương trình đào tạo cho NCS có bằng thạc sĩ:

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ:

STT	KIẾN THỨC/HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	12
1.1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	4
1.2	Tên học phần thứ 2 (chọn 3 trong 5 chuyên đề):	3
	<i>1. Chiến lược và qui hoạch phát triển thương mại hàng hóa</i>	<i>1</i>
	<i>2. Phát triển năng lực cung ứng thị trường hàng hóa/dịch vụ</i>	<i>1</i>
	<i>3. Phát triển chiến lược kinh doanh thương mại của DN</i>	<i>1</i>
	<i>4. Phát triển chiến lược thương mại điện tử của DN</i>	<i>1</i>
	<i>5. Phát triển doanh nghiệp thương mại hàng hóa và dịch vụ nhỏ và vừa</i>	<i>1</i>
1.3	Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ:	5
	Tên học phần tiến sĩ 3 có quyết định riêng cho từng khóa đào tạo căn cứ vào đề xuất của người hướng dẫn khoa học và ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học đào tạo tiến sĩ cấp bộ môn	
2	Nghiên cứu khoa học	18
2.1	Tiểu luận tổng quan	3
2.2	Các chuyên đề tiến sĩ	9
	Chuyên đề 1	3
	Chuyên đề 2	3

	Chuyên đề 3	3
2.3	Đề tài nghiên cứu khoa học	6
3	Luận án tiến sĩ	60
	Tổng số tín chỉ	90

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gần với ngành đào tạo tiến sĩ: Ngoài CTĐT cho NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ, *phải học bổ sung thêm 3 học phần (6 tín chỉ) trong CTĐT trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo*: Quản trị chiến lược (2TC), Marketing thương mại trong môi trường số (2TC), Quản trị quan hệ khách hàng (2TC).

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ các ngành còn lại thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý không phải là ngành đúng, ngành gần với ngành đào tạo tiến sĩ: Ngoài CTĐT cho NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ, *phải học bổ sung thêm 5 học phần (10 tín chỉ) trong CTĐT trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo*. Các học phần bổ sung được thực hiện theo quy định của Trường.

6.2. Chương trình đào tạo cho NCS có bằng đại học:

STT	KIẾN THỨC /HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo	42
2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	12
2.1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	4
2.2	Phát triển kinh doanh thương mại (chọn 3 trong 5 chuyên đề):	3
	<i>1. Chiến lược và qui hoạch phát triển thương mại hàng hóa</i>	<i>1</i>
	<i>2. Phát triển năng lực cung ứng thị trường hàng hóa/dịch vụ</i>	<i>1</i>
	<i>3. Phát triển chiến lược kinh doanh thương mại của DN</i>	<i>1</i>
	<i>4. Phát triển chiến lược thương mại điện tử của DN</i>	<i>1</i>
	<i>5. Phát triển doanh nghiệp thương mại hàng hóa và dịch vụ nhỏ và vừa</i>	<i>1</i>
2.3	Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ:	5
	Tên học phần tiến sĩ 3 có quyết định riêng cho từng khóa đào tạo căn cứ vào đề xuất của người hướng dẫn khoa học và ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học đào tạo tiến sĩ cấp bộ môn	
3	Nghiên cứu khoa học	18
3.1	Tiểu luận tổng quan	3
3.2	Các chuyên đề tiến sĩ	9
	Chuyên đề 1	3
	Chuyên đề 2	3
	Chuyên đề 3	3
3.3	Đề tài nghiên cứu khoa học	6
4	Luận án tiến sĩ	60
	Tổng số tín chỉ	132

6.3. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo

(Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần xem trong phụ lục)

7. Kế hoạch đào tạo

- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ: từ 3-4 năm
- Hình thức đào tạo: thực hiện theo hình thức chính quy
- Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, nghiên cứu sinh phải đăng ký đủ 30 tín chỉ trong ít nhất 02 năm đầu của chương trình đào tạo.

7.1. Kế hoạch đào tạo cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

STT	Kỳ học (Số TC)	Khối kiến thức, học phần đào tạo	Giảng viên
1	Kì thứ nhất (15 TC)	Học các học phần tiến sĩ, viết tiểu luận tổng quan, làm các chuyên đề cơ sở lý luận	TS. Lê Tiến Đạt TS. Phạm Thị Minh Uyên
2	Kì thứ hai (15 TC)	Làm chuyên đề, nghiên cứu khoa học	Người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và bộ môn chuyên môn
3	Kì thứ ba (15 TC)	Làm chuyên đề cơ sở lý luận, Làm luận án	Người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và bộ môn chuyên môn
4	Kì thứ tư (15 TC)	Làm chuyên đề, Làm luận án	Người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và bộ môn chuyên môn
5	Kì thứ năm (15 TC)	Làm luận án	Người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và bộ môn chuyên môn
6	Kì thứ sáu (15 TC)	Làm luận án	Người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và bộ môn chuyên môn
7	Kì thứ bảy (15 TC)	Bảo vệ cơ sở	Hội đồng đánh giá
8	Kì thứ tám (15 TC)	Phản biện độc lập – sửa chữa – bảo vệ chính thức	Hội đồng đánh giá

- Thời gian còn lại (từ thứ 2 đến thứ 6) nghiên cứu sinh nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác tại bộ môn dưới sự quản lý của Trưởng bộ môn sinh hoạt chuyên môn.

7.2. Kế hoạch đào tạo cho nghiên cứu sinh có bằng cử nhân

Stt	Năm học (Số TC)	Khối kiến thức, học phần đào tạo	Giảng viên
1	Năm học thứ 1 (27 tín chỉ)	Học tập (Kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh): - Các học phần ở trình độ thạc sĩ cùng chuyên ngành đào tạo (20 tín chỉ).	Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ của chuyên ngành đào tạo
2	Năm học thứ 2 (27 tín chỉ) (Học tập trung liên tục tại Trường Đại học Thương mại)	- Các học phần ở trình độ thạc sĩ cùng chuyên ngành đào tạo (15 tín chỉ).	Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ của chuyên ngành đào tạo TS. Lê Tiến Đạt TS. Phạm Thị Minh Uyên Người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và bộ môn chuyên môn

3	Năm học thứ 3 (18 TC)	Viết tiểu luận tổng quan, 03 chuyên đề tiến sĩ, Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ	Người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và bộ môn chuyên môn
4	Năm học thứ 4 (30 TC)	Viết tiểu luận tổng quan, 03 chuyên đề tiến sĩ, Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ	Người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và bộ môn chuyên môn
5	Năm học thứ 5 (30 TC)	Viết tiểu luận tổng quan, 03 chuyên đề tiến sĩ, Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ	Người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và bộ môn chuyên môn

- Thời gian còn lại (từ thứ 2 đến thứ 6) nghiên cứu sinh nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác tại bộ môn dưới sự quản lý của Trưởng bộ môn sinh hoạt chuyên môn.

Ghi chú: Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG

PGS,TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

PGS,TS Phan Thị Thu Hoài

Phụ lục 1. Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo Tiến sĩ Kinh doanh thương mại

ST T	Mục tiêu học phần	Tóm tắt nội dung chính
1	<p>Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh (4TC)*</p> <p><i>Mục tiêu học phần:</i> Học phần cung cấp cho học viên cao học những kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế và kinh doanh, trên cơ sở đó học viên có thể phát triển kỹ năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết luận án tiến sĩ trên cả hai góc độ: Phương pháp nghiên cứu khoa học và phương pháp phân tích, xử lý dữ liệu phục vụ cho việc nghiên cứu nói chung và xử lý dữ liệu phục vụ cho việc thực hiện luận án tiến sĩ nói riêng</p>	<p><i>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</i> Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu cho việc triển khai luận án tiến sĩ, cách thức thiết kế và tổng quan nghiên cứu, hiểu được các vấn đề liên quan tới đạo đức trong nghiên cứu, nắm được cách thức chọn mẫu, thu thập dữ liệu thứ cấp và sơ cấp trong nghiên cứu khoa học, cách thức phân tích dữ liệu định tính và định lượng, nắm được cấu trúc, hình thức và văn phong sử dụng trong báo cáo khoa học, cũng như cách thức thuyết trình kết quả báo cáo nghiên cứu khoa học và một số quy định về trình bày báo cáo khoa học.</p>
2	<p>Phát triển kinh doanh thương mại (3TC)</p> <p>Học phần Phát triển kinh doanh thương mại là học phần thuộc bộ phận kiến thức 2 của chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Kinh doanh thương mại. Học phần gồm 05 chuyên đề:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chiến lược và qui hoạch phát triển thương mại hàng hóa 2. Phát triển chiến lược kinh doanh thương mại của DN 3. Phát triển năng lực cung ứng thị trường hàng hóa/dịch vụ 4. Phát triển chiến lược thương mại điện tử của các DN 5. Phát triển doanh nghiệp thương mại hàng hóa và dịch vụ nhỏ và vừa 	<p>Học phần có mục tiêu cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn nhằm hoạch định, triển khai và kiểm soát phát triển kinh doanh thương mại trên cấp độ quản lý vĩ mô và quản lý vi mô trong hội nhập quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về tư duy: Xác lập tư duy phát triển kinh doanh thương mại theo mục tiêu và theo quá trình trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tự do hóa thương mại toàn cầu. - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Cung cấp những luận cứ khoa học về chiến lược và quy hoạch phát triển thương mại hàng hóa; + Cung cấp những luận cứ khoa

		<p>học để phát triển chiến lược kinh doanh thương mại của các doanh nghiệp;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cung cấp những luận cứ khoa học để phát triển năng lực cung ứng thị trường hàng hóa / dịch vụ; <ul style="list-style-type: none"> + Cung cấp những luận cứ khoa học để phát triển chiến lược thương mại điện tử của doanh nghiệp; <ul style="list-style-type: none"> + Cung cấp những luận cứ khoa học để phát triển doanh nghiệp thương mại hàng hóa và dịch vụ nhỏ và vừa. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Trang bị các kỹ năng hiện đại phát triển chiến lược và quy hoạch phát triển thương mại hàng hóa; <ul style="list-style-type: none"> + Trang bị các kỹ năng hiện đại phát triển chiến lược kinh doanh thương mại của các doanh nghiệp; <ul style="list-style-type: none"> + Trang bị các kỹ năng hiện đại phát triển năng lực cung ứng thị trường hàng hóa / dịch vụ; <ul style="list-style-type: none"> + Trang bị các kỹ năng hiện đại phát triển chiến lược thương mại điện tử của doanh nghiệp; <ul style="list-style-type: none"> + Trang bị các kỹ năng hiện đại phát triển doanh nghiệp thương mại hàng hóa và dịch vụ nhỏ và vừa.
3	<p>Luận án Tiến sĩ (60TC)</p> <p>* Yêu cầu của Luận án Tiến sĩ: Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của NCS, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý thuyết và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án; Luận án tiến sĩ phải đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư 18/2021/TT_BGDĐT; Luận án tiến sĩ phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. * Yêu cầu của Tóm tắt Luận án Tiến sĩ: Tóm tắt luận án</p>	<p>Theo các yêu cầu và qui định về luận án tiến sĩ của Trường Đại học Thương mại</p>

<p>cần phản ánh trung thực kết cấu, bố cục của luận án; chỉ rõ một cách ngắn gọn lý do và mục tiêu nghiên cứu của luận án; tóm lược cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đã trình bày trong luận án; chỉ ra những điểm mới và hạn chế trong luận án; và ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án</p>	
---	--

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1.16./QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 1 năm 2022
của Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Tiến sĩ Kế toán Doctor of Philosophy in Accounting
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã ngành:	9340301
Chuyên ngành đào tạo:	Kế toán

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Tiến sĩ Kế toán
- Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Doctor of Philosophy in Accounting
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Ngành đào tạo: Kế toán Mã ngành: 9340301
- Chuyên ngành: Kế toán

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo tiến sĩ kế toán với mục tiêu đào tạo người học có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu, hiện đại ở vị trí hàng đầu của ngành kế toán – kiểm toán; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học.

3. Yêu cầu về kiến thức

Người học hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ ngành kế toán – kiểm toán sẽ là những nhà khoa học, có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế. Cụ thể:

(PLO1): Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại và toàn diện của ngành kế toán – kiểm toán.

(PLO2): Làm chủ được các giá trị cốt lõi trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết của ngành kế toán – kiểm toán.

(PLO3): Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; có kiến thức về tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán theo đúng định hướng và phương pháp liên ngành

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng học các chương trình đào tạo sau tiến sĩ (postdoc) ở các trường đại học đào tạo ngành kế toán – kiểm toán ở khu vực và thế giới.

8. Các chương trình, chuẩn đầu ra trong nước, quốc tế đã tham khảo


8.1. Trong nước

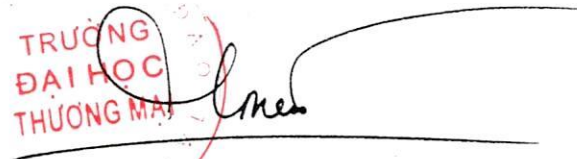
- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia Việt Nam
- Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành kế toán của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành kế toán của Học viện Tài chính.

8.2. Ngoài nước

- Doctoral Program in Accounting at the University of Melbourne, [https://study.unimelb.edu.au/find/courses/graduate/doctoral-program-in-accounting/#:~:text=The%20program%20is%20made%20up,year%20\(2022%20RTP%20rate\)](https://study.unimelb.edu.au/find/courses/graduate/doctoral-program-in-accounting/#:~:text=The%20program%20is%20made%20up,year%20(2022%20RTP%20rate))
- Ph.D. Program in Accounting - Texas A&M University, USA, <https://mays.tamu.edu/phd-accounting/>

HIỆU TRƯỞNG




PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA



PGS, TS Phạm Đức Hiếu

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 116 ngày 21 tháng 1 năm 2022
của Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Tiến sĩ Kế toán Doctor of Accounting
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã ngành:	9340301
Chuyên ngành đào tạo:	Kế toán

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo tiến sĩ kế toán với mục tiêu đào tạo người học có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu, hiện đại ở vị trí hàng đầu của ngành kế toán – kiểm toán; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến nghị khoa học hoặc các hàm ý chính sách.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Kiến thức

Người học hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ ngành kế toán – kiểm toán sẽ là những nhà khoa học, có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế. Cụ thể:

(POL1): Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại và toàn diện của ngành kế toán – kiểm toán.

(PLO2): Làm chủ được các giá trị cốt lõi trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết của ngành kế toán – kiểm toán.

(PLO3): Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; có kiến thức về tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán theo đúng định hướng và phương pháp liên ngành để tạo ra các sản phẩm khoa học có chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp khoa học và phát triển của đất nước, của khu vực.

(PLO4): Có kiến thức về quản trị tổ chức, điều hành hoạt động chuyên môn kế toán – kiểm toán tại cơ quan, đơn vị và của cá nhân.

2.2. Kỹ năng

(PLO5): Có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu về kế toán – kiểm toán; làm chủ các trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát

triển; có kỹ năng điều tra, khảo sát, sử dụng thành thạo phương pháp nghiên cứu khoa học.

(PLO6): Có kỹ năng tìm kiếm, khai thác, tổng hợp dữ liệu, tài nguyên tri thức một cách độc lập để nâng cao kiến thức, kỹ năng phục vụ hoạt động chuyên môn.

(PLO7): Có kỹ năng suy luận logic, phân tích các vấn đề khoa học về kế toán – kiểm toán và đưa ra những ý kiến, hướng xử lý phù hợp, sáng tạo và đảm bảo tính khoa học.

(PLO8): Có kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; kỹ năng nghiên cứu độc lập.

(PLO9): Có kỹ năng ngoại ngữ tốt để nghiên cứu tài liệu, trao đổi học thuật và phổ biến các kết quả nghiên cứu trong ngành kế toán – kiểm toán.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO10): Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới trong ngành kế toán – kiểm toán.

(PLO11): Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau; có khả năng đánh giá giá trị của các ý tưởng, sáng kiến.

(PLO12): Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể.

(PLO13): Có khả năng phán quyết, có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.

(PLO14): Có khả năng quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

3. Điều kiện dự tuyển

3.1 Điều kiện về văn bằng

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên phù hợp với ngành đăng kí dự tuyển đào tạo tiến sĩ. Cụ thể:

a) Người dự tuyển có bằng thạc sĩ:

- Ngành đúng: Ngành Kế toán (mã số: 8340301)

- Ngành gần: Các ngành thuộc nhóm ngành Kế toán-Kiểm toán (mã số: 83403);

- Các ngành còn lại thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý không phải là ngành đúng và ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển.

b) Người dự tuyển có bằng đại học hạng giỏi trở lên thuộc ngành đúng với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: Ngành kế toán (mã số: 7340301), ngành Kiểm toán (mã số: 7340302).

Danh mục các ngành thạc sĩ và đại học được coi là phù hợp với ngành đăng kí dự tuyển đào tạo tiến sĩ sẽ được cập nhật hàng năm trong thông báo tuyển sinh của Trường.

c) Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có văn bản công nhận văn bằng do Cục Quản lý Chất lượng Giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp.

3.2. Điều kiện về nghiên cứu khoa học

Là tác giả của 01 bài báo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình, hoặc ki yếu

hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế có mã số ISBN, trong thời hạn 3 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng kí dự tuyển.

3.3. Có dự thảo đề cương nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ

Dự thảo đề cương nghiên cứu cần trình bày rõ tên đề tài hoặc định hướng nghiên cứu; ngành và mã số; lý do lựa chọn đề tài/hướng nghiên cứu; tổng quan công trình khoa học đã được công bố về đề tài/hướng nghiên cứu; mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu dự kiến thực hiện; dự kiến đóng góp của đề tài nghiên cứu; dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu của NCS (nếu trúng tuyển); và đề xuất người hướng dẫn khoa học (nếu có).

3.4. Có ít nhất một thư giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh: Nhà khoa học giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh phải có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

3.5. Điều kiện về ngoại ngữ

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của nhà trường còn hiệu lực (trong thời hạn 24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển, hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) được cấp bởi một tổ chức khảo thí được Bộ Giáo dục Đào tạo công nhận;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b) khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c); thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, và có trình độ tiếng Anh tối thiểu từ Bậc 3 trở lên

theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3.6. Được cơ quan công tác cử đi dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức); hoặc cơ sở đào tạo (nơi sinh viên vừa tốt nghiệp); hoặc được xác nhận nhân thân bởi chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với người làm nghề tự do). Riêng người dự tuyển là công dân nước ngoài có thể được giới thiệu bởi cơ quan quản lý nhân sự, cơ sở đào tạo bậc đại học/thạc sĩ hoặc đại sứ quán.

3.7. Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng ngành dự tuyển do Hiệu trưởng quy định.

4. Phương thức tuyển sinh: Kết hợp xét tuyển với thi tuyển theo thông báo tuyển sinh tiến sĩ của Trường Đại học Thương mại.

5. Điều kiện tốt nghiệp: Người học sẽ được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp sau khi hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo và đáp ứng các yêu cầu theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Thương mại.

6. Nội dung chương trình đào tạo

6.1. Chương trình đào tạo cho NCS có bằng thạc sĩ:

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ:

STT	KIẾN THỨC/HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	12
1.1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	4
1.2	Kế toán kiểm toán hiện đại (chọn 3 trong 5 chuyên đề):	3
	1. Tổng quan về lý thuyết kế toán và các mô hình tính giá	1
	2. Khuôn mẫu kế toán	1
	3. Tổng quan về chuẩn mực kế toán quốc tế, quốc gia	1
	4. Tổng quan về chuẩn mực kiểm toán quốc tế và quốc gia	1
	5. Chuẩn mực kế toán về báo cáo tài chính	1
1.3	Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ:	5
	Tên học phần tiến sĩ 3 có quyết định riêng cho từng khóa đào tạo căn cứ vào đề xuất của người hướng dẫn khoa học và ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học đào tạo tiến sĩ cấp bộ môn.	
2	Nghiên cứu khoa học	18
2.1	Tiểu luận tổng quan	3
2.2	Các chuyên đề tiến sĩ	9
	Chuyên đề 1	3
	Chuyên đề 2	3
	Chuyên đề 3	3
2.3	Đề tài nghiên cứu khoa học	6
3	Luận án tiến sĩ	60

Tổng số	90
----------------	-----------

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gần với ngành đào tạo tiến sĩ: Ngoài CTĐT cho NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ, *phải học bổ sung thêm 3 học phần (6 tín chỉ) trong CTĐT trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo*: Tổng luận kế toán (2TC), Tổng luận kiểm toán (2TC), Kế toán quản trị nâng cao (2TC).

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ các ngành còn lại thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý không phải là ngành đúng, ngành gần với ngành đào tạo tiến sĩ: Ngoài CTĐT cho NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ, *phải học bổ sung thêm 5 học phần (10 tín chỉ) trong CTĐT trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo*. Các học phần bổ sung được thực hiện theo quy định của Trường.

6.2. Chương trình đào tạo cho NCS có bằng đại học:

STT	KIẾN THỨC/HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ cùng chuyên ngành đào tạo	42
2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	12
2.1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	4
2.2	Kế toán kiểm toán hiện đại (chọn 3 trong 5 chuyên đề):	3
	1. Tổng quan về lý thuyết kế toán và các mô hình tính giá	1
	2. Khuôn mẫu kế toán	1
	3. Tổng quan về chuẩn mực kế toán quốc tế, quốc gia	1
	4. Tổng quan về chuẩn mực kiểm toán quốc tế và quốc gia	1
	5. Chuẩn mực kế toán về báo cáo tài chính	1
2.3	Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ:	5
	Tên học phần tiến sĩ 3 có quyết định riêng cho từng khóa đào tạo căn cứ vào đề xuất của người hướng dẫn khoa học và ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học đào tạo tiến sĩ cấp bộ môn.	
3	Nghiên cứu khoa học	18
3.1	Tiểu luận tổng quan	3
3.2	Các chuyên đề tiến sĩ	9
	Chuyên đề 1	3
	Chuyên đề 2	3
	Chuyên đề 3	3
3.3	Đề tài nghiên cứu khoa học	6
4	Luận án tiến sĩ	60
	Tổng số	132

6.3. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo

(Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần xem trong Phụ lục)

7. Kế hoạch đào tạo

- Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ là 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng). Nghiên cứu sinh dự tuyển có bằng thạc sĩ có thể đăng kí thời gian đào tạo 03 năm (36 tháng). Thời gian đào tạo được xác định tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh và kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá của từng nghiên cứu sinh.

- Hình thức đào tạo: thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường theo kế hoạch đã được phê duyệt, trong đó nghiên cứu sinh cần đăng kí đủ 30 tín chỉ trong ít nhất hai năm học đầu của chương trình đào tạo, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

Kế hoạch đào tạo cho nghiên cứu sinh:

a) Kế hoạch đào tạo cho nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Giảng viên
Năm thứ 1 (30 tín chỉ)	Hoàn thành các học phần bổ sung (nếu có)	4-6 tín chỉ	Giảng viên đào tạo các học phần bổ sung gắn với ngành đào tạo để thực hiện đề tài nghiên cứu
	Hoàn thành học phần 1	4 tín chỉ	TS. Lê Tiến Đạt TS. Phạm Thị Minh Uyên
	Hoàn thành học phần 2	3 tín chỉ	PGS, TS Đỗ Minh Thành
	Hoàn thành học phần 3	5 tín chỉ	PGS, TS. Nguyễn Phú Giang PGS, TS Phạm Đức Hiếu
	Nộp Tiểu luận tổng quan nghiên cứu	3 tín chỉ	PGS, TS. Phạm Thị Thu Thủy PGS. TS. Đoàn Vân Anh
	Hoàn thành chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu	10 tín chỉ	PGS, TS Hà Thị Thủy Vân PGS. TS. Lê Thị Thanh Hải
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 1	3 tín chỉ	PGS, TS. Trần Thị Hồng Mai TS. Hoàng Thị Bích Ngọc TS. Nguyễn Thị Hồng Lam
	Thực hiện một phần nội dung đề tài NCKH	2 tín chỉ	TS. Nguyễn Thành Hưng PGS. TS. Nguyễn Quang Hùng
Năm thứ 2 (30 tín chỉ)	Hoàn thành đề tài NCKH và báo cáo kết quả nghiên cứu tại Hội nghị cấp Trường	4 tín chỉ	PGS, TS Đỗ Minh Thành PGS, TS. Nguyễn Phú Giang
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 2	3 tín chỉ	PGS, TS Phạm Đức Hiếu
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 3	3 tín chỉ	PGS, TS. Phạm Thị Thu Thủy
	Hoàn thành chương Cơ sở lý thuyết	10 tín chỉ	PGS. TS. Đoàn Vân Anh

	Hoàn thành chương Phương pháp nghiên cứu	10 tín chỉ	PGS,TS Hà Thị Thúy Vân PGS.TS. Lê Thị Thanh Hải PGS, TS. Trần Thị Hồng Mai TS. Hoàng Thị Bích Ngọc TS. Nguyễn Thị Hồng Lam TS. Nguyễn Thành Hưng PGS. TS. Nguyễn Quang Hùng
Năm thứ 3 (20 tín chỉ)	Hoàn thành chương Kết quả nghiên cứu	10 tín chỉ	PGS,TS Đỗ Minh Thành PGS, TS. Nguyễn Phú Giang PGS,TS Phạm Đức Hiếu PGS, TS. Phạm Thị Thu Thủy PGS.TS. Đoàn Văn Anh PGS,TS Hà Thị Thúy Vân PGS.TS. Lê Thị Thanh Hải PGS, TS. Trần Thị Hồng Mai
	Hoàn thành chương Kết luận và hàm ý chính sách	10 tín chỉ	TS. Hoàng Thị Bích Ngọc TS. Nguyễn Thị Hồng Lam TS. Nguyễn Thành Hưng PGS. TS. Nguyễn Quang Hùng
Năm thứ 4 (10 tín chỉ)	Hoàn thành các nội dung còn lại của luận án (Phần Giới thiệu luận án, tóm tắt luận án, trang thông tin những đóng góp mới của luận án)	10 tín chỉ	PGS,TS Đỗ Minh Thành PGS, TS. Nguyễn Phú Giang PGS,TS Phạm Đức Hiếu PGS, TS. Phạm Thị Thu Thủy PGS.TS. Đoàn Văn Anh PGS,TS Hà Thị Thúy Vân PGS.TS. Lê Thị Thanh Hải PGS, TS. Trần Thị Hồng Mai TS. Hoàng Thị Bích Ngọc TS. Nguyễn Thị Hồng Lam TS. Nguyễn Thành Hưng PGS. TS. Nguyễn Quang Hùng

(Kế hoạch đào tạo toàn khoá do NCS tự đăng kí)

Thời gian còn lại (từ thứ 2 đến thứ 6) nghiên cứu sinh nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác tại bộ môn dưới sự quản lý của Trưởng bộ môn sinh hoạt chuyên môn.

b) Kế hoạch đào tạo cho nghiên cứu sinh có bằng cử nhân

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Giảng viên
Năm thứ 1 (42 tín chỉ)	Các học phần ở trình độ thạc sĩ cùng chuyên ngành đào tạo	42 tín chỉ	Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ của chuyên ngành đào tạo
Năm thứ 2 (30 tín chỉ)	Hoàn thành học phần 1	4 tín chỉ	TS. Lê Tiến Đạt TS. Phạm Thị Minh Uyên
	Hoàn thành học phần 2	3 tín chỉ	PGS, TS Đỗ Minh Thành PGS, TS. Nguyễn Phú Giang
	Hoàn thành học phần 3	5 tín chỉ	PGS, TS Phạm Đức Hiếu
	Nộp Tiểu luận tổng quan nghiên cứu	3 tín chỉ	PGS, TS. Phạm Thị Thu Thủy
	Hoàn thành chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu	10 tín chỉ	PGS. TS. Đoàn Văn Anh PGS, TS Hà Thị Thúy Vân
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 1	3 tín chỉ	PGS. TS. Lê Thị Thanh Hải PGS, TS. Trần Thị Hồng Mai
	Thực hiện một phần nội dung đề tài NCKH	2 tín chỉ	TS. Hoàng Thị Bích Ngọc TS. Nguyễn Thị Hồng Lam TS. Nguyễn Thành Hưng PGS. TS. Nguyễn Quang Hùng
Năm thứ 3 (30 tín chỉ)	Hoàn thành đề tài NCKH và báo cáo kết quả nghiên cứu tại Hội nghị cấp Trường	4 tín chỉ	PGS, TS Đỗ Minh Thành PGS, TS. Nguyễn Phú Giang
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 2	3 tín chỉ	PGS, TS Phạm Đức Hiếu
	Hoàn thành chuyên đề tiến sĩ 3	3 tín chỉ	PGS, TS. Phạm Thị Thu Thủy
	Hoàn thành chương Cơ sở lý thuyết	10 tín chỉ	PGS. TS. Đoàn Văn Anh PGS, TS Hà Thị Thúy Vân PGS. TS. Lê Thị Thanh Hải
	Hoàn thành chương Phương pháp nghiên cứu	10 tín chỉ	PGS, TS. Trần Thị Hồng Mai TS. Hoàng Thị Bích Ngọc

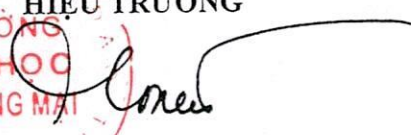
			TS. Nguyễn Thị Hồng Lam TS. Nguyễn Thành Hưng PGS. TS. Nguyễn Quang Hùng
Năm thứ 4 (20 tín chỉ)	Hoàn thành chương Kết quả nghiên cứu	10 tín chỉ	PGS,TS Đỗ Minh Thành PGS, TS. Nguyễn Phú Giang PGS,TS Phạm Đức Hiếu
	Hoàn thành chương Kết luận và hàm ý chính sách	10 tín chỉ	PGS, TS. Phạm Thị Thu Thủy PGS.TS. Đoàn Vân Anh PGS,TS Hà Thị Thủy Vân PGS.TS. Lê Thị Thanh Hải PGS, TS. Trần Thị Hồng Mai TS. Hoàng Thị Bích Ngọc TS. Nguyễn Thị Hồng Lam TS. Nguyễn Thành Hưng PGS. TS. Nguyễn Quang Hùng
Năm thứ 5 (10 tín chỉ)	Hoàn thành các nội dung còn lại của luận án (Phần Giới thiệu luận án, tóm tắt luận án, trang thông tin những đóng góp mới của luận án)	10 tín chỉ	PGS,TS Đỗ Minh Thành PGS, TS. Nguyễn Phú Giang PGS,TS Phạm Đức Hiếu PGS, TS. Phạm Thị Thu Thủy PGS.TS. Đoàn Vân Anh PGS,TS Hà Thị Thủy Vân PGS.TS. Lê Thị Thanh Hải PGS, TS. Trần Thị Hồng Mai TS. Hoàng Thị Bích Ngọc TS. Nguyễn Thị Hồng Lam TS. Nguyễn Thành Hưng PGS. TS. Nguyễn Quang Hùng


(Kế hoạch đào tạo toàn khoá do NCS tự đăng kí)

Thời gian còn lại (từ thứ 2 đến thứ 6) nghiên cứu sinh nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác tại bộ môn dưới sự quản lý của Trưởng bộ môn sinh hoạt chuyên môn.

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp

hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI

PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

PGS, TS Phạm Đức Hiếu

PHỤ LỤC: MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

* *Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh*

Học phần cung cấp các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế và kinh doanh, trên cơ sở đó học viên có thể phát triển kỹ năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết luận án tiến sĩ trên cả hai góc độ: Phương pháp nghiên cứu khoa học và phương pháp phân tích, xử lý dữ liệu phục vụ cho việc nghiên cứu nói chung và xử lý dữ liệu phục vụ cho việc thực hiện luận án tiến sĩ nói riêng.

* *Tổng quan lý thuyết kế toán và các mô hình tính giá*

Cung cấp kiến thức tổng quan về lý thuyết kế toán và các mô hình tính giá trong kế toán: nghiên cứu kế toán theo các quan điểm, trường phái khác nhau trong nghiên cứu kế toán, bao gồm: bản chất, lập quy và phương pháp nghiên cứu. Các mô hình định giá theo các quan điểm khác nhau: Mô hình giá gốc, giá gốc có phân bổ, mô hình giá gốc có đánh giá lại, mô hình giá hợp lý. Cung cấp nền lý thuyết kế toán ứng dụng trong nghiên cứu kế toán tài chính, kế toán quản trị và tổ chức kế toán trong các đơn vị.

* *Khuôn mẫu kế toán*

Cung cấp kiến thức liên quan đến các khái niệm và bản chất của khuôn mẫu kế toán về tài sản, vốn chủ sở hữu, nợ phải trả, doanh thu, chi phí. Phân tích các khuôn mẫu từ cơ sở đến nâng cao, các vấn đề còn tranh cãi và ranh giới giữa các khuôn mẫu trong thực tế, các quan điểm tiếp cận khác nhau về khuôn mẫu kế toán. Học phần cung cấp hiểu biết đầy đủ và những lập luận giúp cho người học có thể giải quyết được các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn mà chưa có cơ sở xác định một cách đầy đủ trong các chuẩn mực kế toán có liên quan

* *Tổng quan về chuẩn mực kế toán quốc tế, quốc gia*

Cung cấp kiến thức tổng quan về về chuẩn mực kế toán quốc tế và quốc gia: Cơ sở hình thành chuẩn mực kế toán quốc tế, các lý thuyết khoa học của sự hình thành khuôn mẫu quốc tế, các giai đoạn hình thành, điều chỉnh và phát triển chuẩn mực kế toán quốc tế, giới thiệu về hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế; cơ sở khoa học hình thành hệ thống chuẩn mực kế toán quốc gia, các yếu tố ảnh hưởng đến ban hành chuẩn mực kế toán quốc gia, các cách tiếp cận chuẩn mực kế toán quốc tế để ban hành chuẩn mực kế toán quốc gia của các nước trên thế giới, giới thiệu về hệ thống chuẩn mực kế toán quốc gia của một số nước

* *Tổng quan về chuẩn mực kiểm toán quốc tế, quốc gia*

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản và hiện đại về hệ thống CM kiểm toán quốc tế, quốc gia trên các nội dung chủ yếu:

- Tổng quan về hệ thống chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo quốc tế: lịch sử hình thành, cơ sở, nguyên tắc xây dựng, vai trò, nội dung...

- Tổng quan về hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam: lịch sử hình thành, cơ sở, nguyên tắc xây dựng, vai trò, nội dung...

- Các vấn đề về hòa hợp và hội tụ hoặc khác biệt trong CM kiểm toán quốc tế, quốc gia: Cơ hội – thách thức – các vấn đề đặt ra

* *Chuẩn mực kế toán Báo cáo tài chính*

Cung cấp kiến thức lí luận nâng cao dựa trên nền tảng chuẩn mực kế toán về báo cáo tài chính bao gồm các yêu cầu, nguyên tắc và nội dung về các lập và trình bày báo cáo tài chính trong điều kiện doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục, xử lí các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính.

** Đề tài nghiên cứu khoa học*

Đề tài nghiên cứu khoa học giúp học viên tìm hiểu các vấn đề mang tính nguyên lý liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu thuộc lĩnh vực: kế toán, kiểm toán và phân tích; rèn luyện và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, kỹ năng làm việc độc lập; học viên sẽ lựa chọn 1 chủ đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên sâu trong chương trình đào tạo tiến sĩ của ngành kế toán để nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Đề tài nghiên cứu khoa học giúp người học có thể hình thành và công bố bài báo khoa học.

** Luận án tiến sĩ*

Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của NCS dưới sự hướng dẫn của tập thể người hướng dẫn khoa học, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý thuyết và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn kế toán, kiểm toán và phân tích, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án; Luận án tiến sĩ phải đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định hiện hành của BGD&ĐT và của Trường về đào tạo trình độ tiến sĩ. Luận án phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 116.../QĐ-ĐHTM ngày 21/11/2022
của Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Tiến sĩ Quản trị kinh doanh Doctor of Philosophy Business administration
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Mã ngành:	9341010
Chuyên ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh



1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Tiến sĩ Quản trị kinh doanh
- Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Doctor of Philosophy Business administration
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh Mã ngành: 9341010
- Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

2. Mục tiêu của chương trình

- Mục tiêu chung:

Đào tạo tiến sĩ Quản trị kinh doanh giúp người học có khả năng nghiên cứu, độc lập; cập nhật các kiến thức tinh hoa của quản trị kinh doanh; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

- Mục tiêu cụ thể:

- + Có phẩm chất nghề nghiệp tốt.
- + Đảm bảo nắm vững và làm chủ các kiến thức nâng cao về kinh tế - xã hội, các kiến thức tinh hoa trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
- + Thành thạo kỹ năng nghiên cứu, có khả năng nghiên cứu độc lập.

3. Yêu cầu về kiến thức

(PLO1): Vận dụng được phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu các kiến thức tinh hoa của quản trị kinh doanh.

(PLO2): Phân tích và đánh giá các kiến thức nâng cao về kinh tế và quản lý Nhà nước về kinh tế và vận dụng sáng tạo các kiến thức này trong nghiên cứu quản trị kinh doanh.

(PLO3): Sáng tạo được một số kiến thức chuyên sâu nhất định trong tri thức quản trị kinh doanh.

4. Yêu cầu về kỹ năng

(PLO4): Có kỹ năng tư duy, nghiên cứu giúp phân tích, đánh giá và sáng tạo tri thức trong nghiên cứu về quản trị kinh doanh.

(PLO5): Kỹ năng trình bày, thuyết phục, bảo vệ quan điểm, luận điểm trong khoa học.

5. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO6): Có khả năng tự chủ, độc lập và sáng tạo trong nghiên cứu.

(PLO7): Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

6. Ngoại ngữ

(PLO8): Có kỹ năng ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu tài liệu, trình bày quan điểm trong nghiên cứu quản trị kinh doanh.

7. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

7.1. Các vị trí công tác có khả năng làm việc phù hợp và tốt

- Nhà quản trị cấp cao trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội khác nhau;
- Giảng viên, nghiên cứu viên về quản trị kinh doanh ở các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.

7.2. Các loại hình tổ chức, doanh nghiệp có cơ hội làm việc phù hợp

- Doanh nghiệp các ngành, lĩnh vực kinh doanh thuộc các loại hình sở hữu nhà nước, tư nhân, tập thể, vốn đầu tư nước ngoài...;
- Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai về quản trị kinh doanh.
- Các loại hình cơ sở đào tạo

8. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra tốt nghiệp

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

9. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo

9.1. Trong nước

1. Chương trình đào tạo tiến sỹ quản trị kinh doanh của trường Đại học Ngoại Thương

<http://sdh.ftu.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-tien-si-nganh-quan-tri-kinh-doanh/>

2. Chuẩn đầu ra đào tạo tiến sỹ quản trị kinh doanh của trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng

http://due.udn.vn/Portals/0/Editor/Ph%C3%B2ng_DaoTao/Image_Baiviet/SauDaiHoc/CDR_TienSi/03_CDR_QUAN%20TRI%20KINH%20DOANH.pdf

3. Chương trình đào tạo tiến sỹ quản trị kinh doanh của trường Đại học kinh tế - Đại học

http://due.udn.vn/Portals/0/Editor/Ph%C3%B2ng_DaoTao/HocphanTS.pdf

4. Chương trình đào tạo tiến sỹ quản trị kinh doanh của trường Đại học Tôn Đức Thắng

<https://fba.tdtu.edu.vn/tuyen-sinh/chuong-trinh-tien-si-quan-tri-kinh-doanh-phd>

9.2. Ngoài nước

1. Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo tiến sỹ của Đại học Universidad azteca

http://www.universidadazteca.net/yahoo_site_admin/assets/docs/UCN_DBAen_Programme_Syllabus.75122827.pdf

2. Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo tiến sỹ của Đại học Dallas

<https://udallas.edu/cob/academics/dba/index.php>

HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS Trần Thị Hoàng Hà

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 116 ngày 21 tháng 11 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Tiến sĩ Quản trị kinh doanh (Doctor of Philosophy in Business administration)
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Mã ngành:	9341010
Chuyên ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh

1. Mục tiêu của chương trình

- Mục tiêu chung:

Đào tạo tiến sĩ Quản trị kinh doanh giúp người học có khả năng nghiên cứu, độc lập; cập nhật các kiến thức tinh hoa của quản trị kinh doanh; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

- Mục tiêu cụ thể:

- + Có phẩm chất nghề nghiệp tốt.
- + Đảm bảo nắm vững và làm chủ các kiến thức nâng cao về kinh tế - xã hội, các kiến thức tinh hoa trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
- + Thành thạo kỹ năng nghiên cứu, có khả năng nghiên cứu độc lập.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

(PLO1): Vận dụng được phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu các kiến thức tinh hoa của quản trị kinh doanh.

(PLO2): Phân tích và đánh giá các kiến thức nâng cao về kinh tế và quản lý Nhà nước về kinh tế và vận dụng sáng tạo các kiến thức này trong nghiên cứu quản trị kinh doanh.

(PLO3): Sáng tạo được một số kiến thức chuyên sâu nhất định trong tri thức quản trị kinh doanh.

2.2 Kỹ năng

(PLO4): Có kỹ năng tư duy, nghiên cứu giúp phân tích, đánh giá và sáng tạo tri thức trong nghiên cứu về quản trị kinh doanh.

(PLO5): Kỹ năng trình bày, thuyết phục, bảo vệ quan điểm, luận điểm trong khoa học.

2.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO6): Có khả năng tự chủ, độc lập và sáng tạo trong nghiên cứu.

(PLO7): Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

2.4 Ngoại ngữ

(PLO8): Có kỹ năng ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu tài liệu, trình bày quan điểm trong nghiên cứu quản trị kinh doanh.

3. Điều kiện dự tuyển

3.1 Điều kiện về văn bằng

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo tiến sĩ. Cụ thể:

a) Người dự tuyển có bằng thạc sĩ:

- Ngành đúng: Quản trị kinh doanh (8340101).

- Ngành gần: Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh (83401)

- Các ngành còn lại thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý không phải là ngành đúng ko phải là ngành gần đối với ngành đăng ký dự tuyển.

b) Người dự tuyển có bằng đại học hạng giỏi trở lên thuộc ngành đúng với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: Quản trị kinh doanh (7340101).

Danh mục các ngành thạc sĩ và đại học được coi là phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo tiến sĩ sẽ được cập nhật hàng năm trong thông báo tuyển sinh của Trường.

d) Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có văn bản công nhận văn bằng do Cục Quản lý Chất lượng Giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp.

3.2. Điều kiện về nghiên cứu khoa học

Là tác giả của 01 bài báo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình, hoặc kì yếu hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế có mã số ISBN, trong thời hạn 3 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3.3. Có dự thảo đề cương nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ

Dự thảo đề cương nghiên cứu cần trình bày rõ tên đề tài hoặc định hướng nghiên cứu; ngành và mã số; lý do lựa chọn đề tài/hướng nghiên cứu; tổng quan công trình khoa học đã được công bố về đề tài/hướng nghiên cứu; mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu dự kiến thực hiện; dự kiến đóng góp của đề tài nghiên cứu; dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu của NCS (nếu trúng tuyển); và đề xuất người hướng dẫn khoa học (nếu có).

3.4. Có ít nhất một thư giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh: Nhà khoa học giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh phải có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

3.5. Điều kiện về ngoại ngữ

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của nhà trường còn hiệu lực (trong thời hạn 24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển, hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) được cấp bởi một tổ chức khảo thí được Bộ Giáo dục Đào tạo công nhận;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b) khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c); thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, và có trình độ tiếng Anh tối thiểu từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3.6. Được cơ quan công tác cử đi dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức); hoặc cơ sở đào tạo (nơi sinh viên vừa tốt nghiệp); hoặc được xác nhận nhân thân bởi chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với người làm nghề tự do). Riêng người dự tuyển là công dân nước ngoài có thể được giới thiệu bởi cơ quan quản lý nhân sự, cơ sở đào tạo bậc đại học/thạc sĩ hoặc đại sứ quán.

3.7. Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng ngành dự tuyển do Hiệu trưởng quy định.

4. Phương thức tuyển sinh

Kết hợp xét tuyển với thi tuyển theo đề án tuyển sinh tiến sĩ của Trường Đại học Thương mại.

5. Điều kiện tốt nghiệp

Người học sẽ được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp sau khi hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo và đáp ứng các yêu cầu theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Thương mại.

6. Nội dung chương trình đào tạo

6.1. Chương trình đào tạo cho NCS có bằng thạc sĩ:

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ:

STT	KIẾN THỨC/HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	12
1.1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	4

1.2	Tên học phần thứ 2 (chọn 3 trong 5 chuyên đề):	3
	1. Lý thuyết Quản trị kinh doanh hiện đại	1
	2. Bối cảnh mới của Quản trị kinh doanh hiện đại	1
	3. Nhà Quản trị kinh doanh hiện đại	1
	4. Quản trị khởi nghiệp	1
	5. Quản trị đổi mới và sáng tạo	1
1.3	Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ:	5
	Tên học phần tiến sĩ 3 có quyết định riêng cho từng khóa đào tạo căn cứ vào đề xuất của người hướng dẫn khoa học và ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học đào tạo tiến sĩ cấp bộ môn	
2	Nghiên cứu khoa học	18
2.1	Tiểu luận tổng quan	3
2.2	Các chuyên đề tiến sĩ	9
	Chuyên đề 1	3
	Chuyên đề 2	3
	Chuyên đề 3	3
2.3	Đề tài nghiên cứu khoa học	6
3	Luận án tiến sĩ	60
	Tổng số tín chỉ	90

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gần với ngành đào tạo tiến sĩ: Ngoài CTĐT cho NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ, *phải học bổ sung thêm 3 học phần (6 tín chỉ) trong CTĐT trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo*: Lãnh đạo và quản lý (2TC), Quản trị vận hành (2TC), Quản trị chiến lược (2TC).

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ các ngành còn lại thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý không phải là ngành đúng, ngành gần với ngành đào tạo tiến sĩ: Ngoài CTĐT cho NCS có bằng thạc sĩ thuộc ngành đúng với ngành đào tạo tiến sĩ, *phải học bổ sung thêm 5 học phần (10 tín chỉ) trong CTĐT trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo*. Các học phần bổ sung được thực hiện theo quy định của Trường.

6.2. Chương trình đào tạo cho NCS có bằng cử nhân:

STT	KIẾN THỨC /HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ cùng chuyên ngành đào tạo	42
2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	12
2.1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	4
2.2	Tên học phần thứ 2 (chọn 3 trong 5 chuyên đề):	3

	1. Lý thuyết Quản trị kinh doanh hiện đại	1
	2. Bối cảnh mới của Quản trị kinh doanh hiện đại	1
	3. Nhà Quản trị kinh doanh hiện đại	1
	4. Quản trị khởi nghiệp	1
	5. Quản trị đổi mới và sáng tạo	1
2.3	Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ:	5
	Tên học phần tiến sĩ 3 có quyết định riêng cho từng khóa đào tạo căn cứ vào đề xuất của người hướng dẫn khoa học và ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học đào tạo tiến sĩ cấp bộ môn	
3	Nghiên cứu khoa học	18
3.1	Tiêu luận tổng quan	3
3.2	Các chuyên đề tiến sĩ	9
	Chuyên đề 1	3
	Chuyên đề 2	3
	Chuyên đề 3	3
3.3	Đề tài nghiên cứu khoa học	6
4	Luận án tiến sĩ	60
	Tổng số tín chỉ	132

6.3. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo (Xem phụ lục)

7. Kế hoạch đào tạo

- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ: từ 3-4 năm
- Hình thức đào tạo: thực hiện theo hình thức chính quy
- Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy,

nhà nghiên cứu sinh phải đăng ký đủ 30 tín chỉ trong ít nhất 02 năm đầu của chương trình đào tạo.

7.1. Kế hoạch đào tạo cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

STT	Năm học (Số TC)	Khối kiến thức, học phần đào tạo	Giảng viên
1	Năm học thứ 1 (12 tín chỉ/18 tín chỉ) (Học tập trung liên tục tại Trường Đại học Thương mại)	Học tập (Kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh): - Học phần Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh (4 tín chỉ). - Học phần Quản trị kinh doanh hiện đại (3 tín chỉ) (NCS chọn 3 trong 5 chuyên đề) - Học các học phần bổ sung ở trình độ thạc sĩ (6 tín chỉ) (nếu có) - Học tập học phần Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ (5 tín chỉ)	TS. Lê Tiến Đạt TS. Phạm Thị Minh Uyên Giảng viên đào tạo tiến sĩ của chuyên ngành đào tạo và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

		(học cùng Giáo viên hướng dẫn).	
2	Năm học thứ 2 (18 TC)	Viết tiểu luận tổng quan, 03 chuyên đề tiến sĩ, Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn
3	Năm học thứ 3 (30 TC)	Viết tiểu luận tổng quan, 03 chuyên đề tiến sĩ, Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn
4	Năm học thứ 4 (30 TC)	Viết tiểu luận tổng quan, 03 chuyên đề tiến sĩ, Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn

- Thời gian còn lại (từ thứ 2 đến thứ 6) nghiên cứu sinh nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác tại bộ môn dưới sự quản lý của Trưởng bộ môn sinh hoạt chuyên môn.

7.2. Kế hoạch đào tạo cho nghiên cứu sinh có bằng cử nhân

Stt	Năm học (Số TC)	Khối kiến thức, học phần đào tạo	Giảng viên
1	Năm học thứ 1 (27 tín chỉ)	Học tập (Kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh): - Các học phần ở trình độ thạc sĩ cùng chuyên ngành đào tạo (20 tín chỉ).	Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ của chuyên ngành đào tạo
2	Năm học thứ 2 (27 tín chỉ) (Học tập trung liên tục tại Trường Đại học Thương mại)	- Các học phần ở trình độ thạc sĩ cùng chuyên ngành đào tạo (15 tín chỉ). - Học phần Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh (4 tín chỉ). - Học phần Quản trị kinh doanh hiện đại (3 tín chỉ) (NCS chọn 3 trong 5 chuyên đề) - Học tập học phần Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ (5 tín chỉ) (học cùng Giáo viên hướng dẫn).	Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ của chuyên ngành đào tạo TS. Lê Tiến Đạt TS. Phạm Thị Minh Uyên Giảng viên đào tạo tiến sĩ của chuyên ngành đào tạo và người hướng dẫn nghiên cứu sinh
3	Năm học thứ 3 (18 TC)	Viết tiểu luận tổng quan, 03 chuyên đề tiến sĩ, Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn
4	Năm học thứ 4 (30 TC)	Viết tiểu luận tổng quan, 03 chuyên đề tiến sĩ, Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn
5	Năm học thứ 5 (30 TC)	Viết tiểu luận tổng quan, 03 chuyên đề tiến sĩ, Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn sinh hoạt chuyên môn

- Thời gian còn lại (từ thứ 2 đến thứ 6) nghiên cứu sinh nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác tại bộ môn dưới sự quản lý của Trưởng bộ môn sinh hoạt chuyên môn.

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.



HIỆU TRƯỞNG

PGS,TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Thị Hoàng Hà".

TS Trần Thị Hoàng Hà



PHỤ LỤC: MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh (4TC)

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu cho việc triển khai luận án tiến sĩ, cách thức thiết kế và tổng quan nghiên cứu, hiểu được các vấn đề liên quan tới đạo đức trong nghiên cứu, nắm được cách thức chọn mẫu, thu thập dữ liệu thứ cấp và sơ cấp trong nghiên cứu khoa học, cách thức phân tích dữ liệu định tính và định lượng, nắm được cấu trúc, hình thức và văn phong sử dụng trong báo cáo khoa học, cũng như cách thức thuyết trình kết quả báo cáo nghiên cứu khoa học và một số quy định về trình bày báo cáo khoa học.

Quản trị kinh doanh hiện đại (3TC)

Các chuyên đề được lựa chọn sẽ cung cấp cho NCS các kiến thức và kỹ năng cập nhật về quản trị kinh doanh hiện đại, giúp NCS nâng cao nhận thức và vận dụng các kiến thức vào công tác thực tế cũng như phục vụ quá trình nghiên cứu và thực hiện kế hoạch nghiên cứu sinh.

Học phần là một gói kiến thức gồm 5 chuyên đề, mỗi chuyên đề 01 TC. NCS sẽ lựa chọn 3 chuyên đề, tương ứng với 3 TC theo nhu cầu công việc và phù hợp với định hướng nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ với các nội dung kiến thức liên quan đến bối cảnh, các lý thuyết quản trị kinh doanh hiện đại, nhà quản trị kinh doanh hiện đại, quản trị khởi nghiệp, quản trị đổi mới và sáng tạo.

Luận án tiến sĩ (60 TC)

Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của NCS, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý thuyết và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án; Luận án tiến sĩ phải đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư 18/2021/TT_BGDĐT; Luận án tiến sĩ phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. * Yêu cầu của Tóm tắt Luận án Tiến sĩ: Tóm tắt luận án cần phản ánh trung thực kết cấu, bố cục của luận án; chỉ rõ một cách ngắn gọn lý do và mục tiêu nghiên cứu của luận án; tóm lược cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đã trình bày trong luận án; chỉ ra những điểm mới và hạn chế trong luận án; và ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án



The following information is provided for your information. The data is based on the most recent available information and is subject to change without notice. The information is provided for your information only and is not intended to be used for any other purpose. The information is provided for your information only and is not intended to be used for any other purpose. The information is provided for your information only and is not intended to be used for any other purpose.

1
0
17